

- 10.13. Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Mã ngành	Tên ngành nghề	Ngành nghề kinh doanh có điều kiện (*)	Tình trạng
2012	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	Kinh doanh phân bón	Đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật liên quan
3811	Thu gom rác thải không độc hại	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại	Đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật liên quan
3821	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	Kinh doanh dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại	Đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật liên quan
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Kinh doanh vận tải đường bộ	Đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật liên quan
3511	Sản xuất điện. Chi tiết: Điện mặt trời.	Hoạt động phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, bán buôn điện, bán lẻ điện	Đáp ứng đầy đủ theo quy định của pháp luật liên quan

(Nguồn: ANTESCO)

Ghi chú: (*): Căn cứ theo Phụ lục IV Danh mục ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tính đến thời điểm 30/09/2025, Công ty có 1.183 lao động với cơ cấu như sau:

Bảng 22: Cơ cấu lao động của Công ty

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I. Theo trình độ lao động			
Đại học và trên Đại học	128	169	197
Cao đẳng và Trung cấp	67	65	70
Lao động phổ thông	497	539	916
II. Theo giới tính			

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Nam	277	330	442
Nữ	415	443	741
III. Theo Hợp đồng lao động			
Lao động thường xuyên	692	773	826
Lao động thời vụ	0	0	357
Tổng cộng	692	773	1.183

(Nguồn: ANTESCO)

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Chính sách đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty ưu tiên hàng đầu nhằm phát huy hiệu quả tối đa mọi nguồn lực sẵn sàng ứng phó trước mỗi chuyển biến phức tạp của thị trường, tạo đà cho sự phát triển bền vững của Công ty.

✦ Chính sách nhân sự

Nhận thức người lao động là động lực chính hướng đến sự phát triển bền vững. Chính vì thế Công ty luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp để cán bộ công nhân viên an tâm và tin tưởng hơn với Công ty, đời sống cán bộ công nhân viên được cải thiện, phụ cấp tiền cơm trưa, tiền thưởng tết, tặng quà cho cán bộ công nhân viên nhân dịp sinh nhật, 8/3, và các ngày lễ lớn như: 30/04, 01/05, 01/06, 02/09, 20/10, ... đời sống vật chất, đời sống tinh thần được chăm lo từng bước, thu nhập công nhân tăng theo hiệu quả kinh doanh.

Thông qua Hội nghị người lao động phát động phong trào thi đua hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, Ban Tổng Giám đốc đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ quy định theo thỏa ước lao động tập thể ký kết với người lao động, mỗi năm đều có tổ chức hội nghị người lao động để điều chỉnh kịp thời, phù hợp các chính sách.

Thực hiện tốt chế độ chính sách với người lao động, chăm lo sức khỏe người lao động thông qua việc khám chữa bệnh định kỳ hàng năm, mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động để người lao động có thể an tâm công tác và xây dựng Sổ tay Trách nhiệm xã hội (Bộ Quy tắc ứng xử - Bộ Tiêu chuẩn về Trách nhiệm Xã hội): Cải thiện môi trường làm việc, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động.

✦ Chính sách đào tạo

Công ty rất coi trọng công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Trong năm thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo kỹ năng chuyên môn nâng cao trình độ của người lao động và các lớp bồi dưỡng kiến thức về vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngoài ra, Công ty cũng cử người tham gia các khóa học ngắn hạn về cập nhật kiến thức thuế, tiền lương, quy trình sản xuất, kiểm tra chất lượng.

ANTESCO triển khai đào tạo liên tục cả trong nội bộ và với chuyên gia bên ngoài để nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn, tư duy sáng tạo cho nhân viên cũng là hoạt động được ANTESCO chú trọng thực hiện hàng năm. Năm 2024, Công ty đã thực hiện đào tạo nội bộ 82 khóa và đào tạo bên ngoài 26 khóa với tổng chi phí là 482 triệu đồng. Tính đến hết 9 tháng năm 2025, Công ty đã thực hiện đào tạo thêm 80 khóa đào tạo nội bộ và 20 khóa đào tạo bên ngoài với tổng chi phí là 958 triệu đồng.

✦ Chính sách lương thưởng, trợ cấp và chế độ phúc lợi

Chính sách lương, thưởng

Công ty luôn tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên với những chế độ đãi ngộ và đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty luôn duy trì chính sách thưởng đột xuất, chính sách thưởng hàng kỳ cho cá nhân và tập thể căn cứ vào những thành tích nỗ lực hoàn thành công việc, năng suất lao động cao, thực hành tiết kiệm và các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, chất lượng, phương pháp tổ chức sản xuất.

Chế độ phúc lợi

Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của pháp luật, Công ty còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như:

- Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ hậu sản, hiếu hi, ...
- Luôn quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, các trang thiết bị an toàn, môi trường làm việc và nghỉ ngơi đối với người lao động.
- Tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, thăm hỏi, chăm lo cho đời sống cho các chị em phụ nữ để họ an tâm công tác tại Công ty.
- Trao quỹ khuyến học và hỗ trợ các cháu có thành tích xuất sắc trong học tập và các cháu thuộc con em của cán bộ công nhân viên Công ty có hoàn cảnh khó khăn nhưng học giỏi.
- Hỗ trợ nhà ở cho người lao động khó khăn với chương trình “Mái ấm tình thương”. Trong năm 2024, ANTESCO đã hỗ trợ xây 07 “Mái ấm tình thương” cho nhân viên khó khăn và người dân địa phương.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Việc thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động được thực hiện theo từng thời kỳ trên cơ sở HĐQT đề xuất và được ĐHĐCĐ Công ty thông qua. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động sẽ do HĐQT ban hành phù hợp với từng đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động.

Ngày 24/01/2025, ANTESCO đã thực hiện phát hành thành công 240.000 cổ phiếu với giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu cho người lao động với điều kiện cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông khi: Công ty đã

hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; đã trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

- ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ cổ tức qua các năm gần nhất của Công ty:

Bảng 23: Tình hình chi trả cổ tức của Công ty

Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024 (*)
Tỷ lệ trả cổ tức/Vốn điều lệ	27,7778%	10%	0%
Hình thức	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	
Tình hình thanh toán	Đã thực hiện	Đã thực hiện	

(Nguồn: ANTESCO)

Ghi chú: () Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/11/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua việc điều chỉnh Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, trong đó điều chỉnh không chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu.*

- Chính sách cổ tức của Công ty sau niêm yết:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2025, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua giao kế hoạch doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế của năm 2025, nhưng không quyết định chỉ tiêu cổ tức dự kiến năm 2025, mà giao Hội đồng quản trị căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 để thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Ngoài ra, do một số lý do khách quan, căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/11/2025, ĐHĐCĐ đã thông qua việc điều chỉnh Phương án phân phối lợi nhuận năm

2024, trong đó điều chỉnh không chi trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu (tỷ lệ dự kiến là 15%), giao Hội đồng quản trị căn cứ phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 điều chỉnh để xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 phù hợp và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty dự kiến kế hoạch trong năm 2026 sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thực hiện chia cổ tức năm 2024 (tỷ lệ 15% bằng cổ phiếu) và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông để chia cổ tức năm 2025 với tỷ lệ dự kiến là 25% (dự kiến 20% bằng cổ phiếu và 5% bằng tiền mặt). Tuy nhiên, tỷ lệ chia cổ tức chính thức sẽ phụ thuộc vào kết quả kinh doanh năm 2025 theo Báo cáo tài chính năm 2025 kiểm toán và ý kiến biểu quyết của cổ đông.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức đăng ký niêm yết

13.1. Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có tổng giá trị dự toán đã được phê duyệt cho đầu tư máy móc, thiết bị và đầu tư xây dựng là 8.166.062.594 VND. Trong đó, giá trị đã đầu tư là 6.103.653.503 VND và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua sắm máy móc, thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 2.062.409.091 VND. Nội dung cam kết vốn này thuộc hạng mục đầu tư hệ thống lạnh NH3 cho Nhà máy Bình Long tại tỉnh An Giang.

13.2. Cam kết bảo lãnh

Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã bảo lãnh hạn mức tín dụng của Công ty TNHH B'Laofood – công ty con của Công ty tại Ngân hàng Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Tiên Phong lần lượt là 90 tỷ VND, 20 tỷ VND và 60 tỷ VND.

Số dư theo Hợp đồng cấp tín dụng của Công ty TNHH B'Laofood được Công ty bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7 Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Tiên Phong lần lượt là 59.995.970.971 VND; 13.406.540.034 VND và 74.137.618.122 VND.

13.3. Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất

STT	Địa điểm	Mục đích sử dụng	Diện tích	Thời hạn thuê đất	Hình thức thuê đất
1	Nhà máy Bình Long	Đất khu công nghiệp	27.338 m ²	02/07/2063	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm
2	Nhà máy Bình Khánh (Thửa 19)	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	5.999,5 m ²	13/02/2029	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm
3	Nhà máy Bình Khánh (Thửa 56)	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	4.257 m ²	18/07/2056	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

STT	Địa điểm	Mục đích sử dụng	Diện tích	Thời hạn thuê đất	Hình thức thuê đất
4	Nhà máy Mỹ An (thửa 1)	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	7.000 m ²	25/04/2056	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm
5	Nhà máy Mỹ An (thửa 6)	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	7.700 m ²	30/09/2028	Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm
6	Nhà máy B'Laofood	Đất khu công nghiệp (để xây dựng nhà máy chế biến rau củ quả)	15.633,62 m ²	23/03/2054	Thuê lại đất khu công nghiệp trả tiền hàng năm của Công ty phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Lộc Sơn – Phú Hội
7	Xưởng Hòa Bình	Đất nông nghiệp khác	8.500 m ²	23/03/2051	Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất

(Nguồn: ANTESCO)

13.4. Trái phiếu chưa đáo hạn

Không có.

13.5. Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi

Không có.

14. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức đăng ký niêm yết có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết và việc niêm yết cổ phiếu

Không có.

15. Thông tin về cam kết của Tổ chức đăng ký niêm yết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

16. Thông tin về việc tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán

và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

Tổ chức đăng ký niêm yết, người đại diện theo pháp luật của Tổ chức đăng ký niêm yết cam kết không bị xử lý vi phạm trong thời hạn 02 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết do thực hiện hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán quy định tại Điều 12 Luật Chứng khoán năm 2019 và Khoản 5 Điều 1 Luật số 56/2024/QH15.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng 24: Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh Công ty mẹ	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/(giảm) 2024/2023	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	564.071	921.907	63,4%	1.084.576
Vốn chủ sở hữu	211.113	284.427	34,7%	376.317
Doanh thu thuần	666.217	1.217.226	82,7%	1.361.909
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22.090	87.190	294,7%	102.756
Lợi nhuận khác	2.439	(111)	N/A	(138)
Lợi nhuận trước thuế	24.529	87.079	255,0%	102.617
Lợi nhuận sau thuế	20.285	73.314	261,4%	90.170
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	91,89%	0%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	10%	0%	-	-
Chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/(giảm) 2024/2023	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025
Tổng giá trị tài sản	786.607	1.223.556	55,5%	1.405.117
Vốn chủ sở hữu	228.183	301.876	32,3%	403.845

Doanh thu thuần	756.400	1.404.766	85,7%	1.450.799
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.729	87.001	4.933,0%	114.020
Lợi nhuận khác	9.962	603	(93,95)%	(139)
Lợi nhuận trước thuế	11.691	87.604	649,3%	113.881
Lợi nhuận sau thuế	10.061	73.694	632,5%	100.249
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	13.624	73.141	436,85%	96.514
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	136,81%	0%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	10%	0%	-	-

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của ANTESCO)

Trong giai đoạn 2023–2024 và 9 tháng đầu năm 2025, Công ty mẹ ghi nhận sự tăng trưởng rõ rệt về quy mô và hiệu quả hoạt động. Tổng tài sản cuối năm 2024 đạt 921,9 tỷ đồng, tăng 63,4% so với mức 564,1 tỷ đồng cuối năm 2023, và đạt 1.084,5 tỷ đồng vào cuối Quý III/2025. Kết quả này chủ yếu đến từ sự mở rộng doanh thu, khi doanh thu thuần năm 2024 đạt 1.217,2 tỷ đồng, tăng 82,7% so với năm trước.

Hiệu quả kinh doanh của Công ty có sự cải thiện đáng kể. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2024 đạt 87,2 tỷ đồng, tăng 294,7% so với mức 22,1 tỷ đồng năm 2023. Lợi nhuận sau thuế tăng 261,4%, từ 20,3 tỷ đồng lên 73,3 tỷ đồng. Xu hướng tích cực này tiếp tục trong 9 tháng đầu năm 2025, với doanh thu thuần đạt 1.361,9 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 90,2 tỷ đồng, vượt 23% so với kết quả lợi nhuận sau thuế đã thực hiện của cả năm 2024.

Trên cơ sở hợp nhất, ANTESCO cũng ghi nhận sự tăng trưởng mạnh cả về quy mô và hiệu quả. Năm 2024, tổng tài sản và doanh thu hợp nhất lần lượt tăng 55,5% và 85,7% so với năm 2023. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh hợp nhất, từ mức 1,7 tỷ đồng năm 2023 đã tăng lên 87 tỷ đồng vào năm 2024. Nhờ đó, lợi nhuận sau thuế hợp nhất cũng tăng từ 10,1 tỷ đồng (năm 2023) lên 73,7 tỷ đồng (năm 2024), tương ứng mức tăng 632,5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần hợp nhất đạt 1.450,8 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 100,2 tỷ đồng, tiếp tục vượt 36% so với lợi nhuận sau thuế cả năm 2024.

Sự tăng trưởng nổi bật của doanh thu và lợi nhuận năm 2024 so với năm 2023 xuất phát từ xu hướng thị trường khi nhận thức về sức khỏe và nhu cầu tiêu thụ thực phẩm tự nhiên, có nguồn gốc rõ ràng ngày càng gia tăng tại các thị trường phát triển, đặc biệt là khu vực Châu Âu và Bắc Mỹ.

Bên cạnh đó, biến động nguồn cung tại Nam Mỹ trong năm 2024 do mất mùa đã tạo điều kiện thuận lợi để chuỗi cung ứng trái cây toàn cầu dịch chuyển một phần sang khu vực Đông Nam Á, trong đó Việt Nam nổi lên như một nguồn cung thay thế tiềm năng. Việc khách hàng quốc tế tiếp cận và đánh giá cao chất lượng nông sản Việt Nam – nhờ lợi thế khí hậu nhiệt đới, hương vị đặc trưng và tiêu chuẩn chế biến đạt chuẩn quốc tế – đã giúp Công ty mở rộng đáng kể tệp khách hàng mới. Đặc biệt, nhiều đối tác đã quay lại đặt hàng trong năm 2025, tạo nền tảng tăng trưởng

bền vững cho những năm tiếp theo.

Về hiệu quả hoạt động, lợi nhuận của Công ty cải thiện đáng kể nhờ nhà máy B'Laofood đi vào vận hành ổn định từ năm 2023, cùng với việc đầu tư nâng cấp dây chuyền tại các nhà máy Bình Long và Mỹ An, giúp tăng năng suất và tối ưu hóa chi phí sản xuất. Với sản lượng sản xuất lớn và quy mô vận hành hiệu quả, biên lợi nhuận gộp của Công ty được cải thiện rõ rệt. Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty chủ động trong công tác lập kế hoạch bán hàng, cân đối mùa vụ – sản xuất – tồn kho đã giúp giảm thiểu chi phí lưu kho, tối ưu dòng tiền và gia tăng hiệu quả lợi nhuận.

Nhờ những yếu tố thuận lợi nêu trên, 9 tháng đầu năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao, với doanh thu và lợi nhuận vượt cùng kỳ, khẳng định hiệu quả của chiến lược sản xuất – kinh doanh linh hoạt và định hướng hội nhập quốc tế bền vững của ANTESCO.

Lợi nhuận khác của Công ty mẹ trong năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 bị âm là do Công ty không có ghi nhận doanh thu khác thường xuyên, trong khi phát sinh một số khoản chi phí khác trong quá trình hoạt động, chi tiết như sau:

ĐVT: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Lũy kế 9 tháng 2025
I	Thu nhập khác	153.799.972	4.637
1	Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	149.164.352	0
2	Thu nhập từ các khoản khác	4.635.620	4.637
II	Chi phí khác	264.968.531	138.284.963
1	Tiền phạt vi phạm hành chính, chậm nộp	32.762.163	17.258.032
2	Chi tài trợ, hỗ trợ, ủng hộ chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội	26.920.000	90.000.000
3	Khấu hao tài sản cố định thanh lý	60.827.683	0
4	Các khoản phí hỗ trợ bán hàng cho hệ thống Siêu thị, Trung tâm phân phối	48.980.583	0
5	Chi giao tế	9.183.600	0
6	Chi khác (Chi hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu, điều chỉnh VAT đầu vào...)	86.294.502	31.026.931
III	Lợi nhuận khác (I-II)	(111.168.559)	(138.280.326)

(Nguồn: ANTESCO)

Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết

1.2.1. Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết trong năm 2023 và năm 2024:

➤ Năm 2023:

Năm 2023 là một năm ghi nhận những nỗ lực của Công ty với nhiều điểm sáng xen lẫn các thách thức đáng kể. Về mặt sản xuất, Công ty đã gặt hái thành công khi hoàn thành giai đoạn 1 của dự án đầu tư nâng cấp nhà máy Mỹ An và Bình Long, giúp tăng năng suất và cắt giảm chi phí. Nguồn nhân lực chất lượng và có kinh nghiệm tiếp tục là nền tảng vững chắc, đảm bảo các nhà máy hoạt động hết công suất. Trên mặt trận kinh doanh, hoạt động bán hàng có sự tăng trưởng ổn định. Công ty không chỉ duy trì được các thị trường xuất khẩu truyền thống như Châu Âu và Mỹ mà còn bắt đầu có sự chuyển dịch tích cực sang khu vực Châu Á. Đặc biệt, thị trường nội địa ghi nhận chuyển biến tích cực với việc mở rộng thêm nhiều khách hàng mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, năm 2023 cũng bộc lộ nhiều khó khăn. Về nội tại, năng lực sản xuất còn hạn chế, đặc biệt là tại Nhà máy Bình Khánh với công nghệ đã cũ. Công ty đối mặt với tình trạng thiếu hụt lao động phổ thông vào mùa cao điểm, trong khi đội ngũ bán hàng còn mỏng. Thách thức lớn nhất đến từ chuỗi cung ứng khi sản lượng thu mua nguyên liệu chỉ đạt khoảng 66% kế hoạch, đặc biệt thiếu hụt đậu nành cho thị trường Mỹ. Tình hình thời tiết El Nino khắc nghiệt và các khiếu nại về dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đã tác động tiêu cực đến cả sản lượng và chất lượng đầu vào.

➤ Năm 2024:

Bước sang năm 2024, Công ty đã có những bước tiến vượt bậc, phát huy các thế mạnh và khắc phục hiệu quả nhiều tồn tại của năm trước. Thành công nổi bật nhất là việc hoàn thành giai đoạn 2 của các dự án đầu tư, nâng cấp máy móc tại cả ba nhà máy Mỹ An, Bình Long và Bình Khánh. Điều này mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc tăng năng suất, tối ưu hóa chi phí nhân công và giải quyết các điểm nghẽn trong sản xuất. Trên thị trường, uy tín thương hiệu ANTESCO được củng cố mạnh mẽ, giúp hoạt động bán hàng tăng trưởng vượt trội. Công ty đã phát triển thành công hàng loạt khách hàng mới tại các thị trường chiến lược, tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do. Đáng chú ý, kế hoạch thu mua nguyên liệu đã hoàn thành tốt, với việc xây dựng thành công vùng nguyên liệu đạt chuẩn GLOBALGAP, giải quyết được bài toán khó của năm 2023.

Mặc dù đạt được nhiều thành tựu, hoạt động của Công ty trong năm 2024 vẫn đối mặt với không ít thách thức. Bối cảnh kinh tế toàn cầu bất ổn do căng thẳng chính trị, lạm phát và biến đổi khí hậu đã làm tăng chi phí logistics và tạo ra rủi ro cho thị trường tiêu thụ. Sự cạnh tranh quyết liệt từ các đối thủ trong ngành ngày càng gia tăng, cùng với các yêu cầu về chất lượng và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật từ các thị trường nhập khẩu ngày càng khắt khe. Về nội bộ, tình trạng thiếu hụt lao động thời vụ vẫn còn diễn ra và năng lực của đội ngũ kinh doanh nội địa chưa được khai thác hết tiềm năng. Cuối cùng, sự biến động tăng cao của cước tàu biển vào cuối năm đã trở thành một thách thức mới, ảnh hưởng trực tiếp đến việc ký kết các hợp đồng cho năm 2025.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2024), hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu tác động từ những biến động trong chính sách thương mại và thuế quan quốc tế tại

thị trường Hoa Kỳ, cụ thể Hoa Kỳ áp thuế đối ứng đối với hàng hóa nhập khẩu từ các đối tác thương mại, trong đó có Việt Nam, theo Sắc lệnh của Tổng thống Donald Trump ngày 02/04/2025 (xem thêm thông tin tại mục 3.5 Rủi ro về chính sách thương mại Phần II của Bản cáo bạch). Trước khi có Sắc lệnh thuế đối ứng, ANTESCO chịu mức thuế từ 5–10% khi xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ. Theo đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty, ảnh hưởng của chính sách thuế đối ứng đối với ANTESCO đến thời điểm này chủ yếu tập trung vào mặt hàng thanh long và tác động lên hoạt động kinh doanh của ANTESCO là không quá nghiêm trọng.

Trước áp lực thuế quan của Hoa Kỳ, Công ty đã thực hiện tái cơ cấu thị trường mạnh mẽ và linh hoạt. Đối với thị trường Hoa Kỳ, Công ty đã đạt được thỏa thuận với các nhà nhập khẩu và cung ứng để cùng chia sẻ một phần chi phí thuế tăng thêm, đồng thời chủ động giảm tỷ trọng doanh thu tại thị trường Hoa Kỳ, cụ thể tỷ trọng doanh thu xuất khẩu sang Hoa Kỳ đã giảm từ 35,3%¹⁷ (năm 2024) xuống còn 28,3% trong 9 tháng đầu năm 2025 nhằm giảm thiểu rủi ro. Công ty cũng mở rộng xuất khẩu sang các thị trường như EU, và các thị trường Châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc). Nhờ đó, tổng sản lượng và quy mô hoạt động vẫn duy trì đà tăng trưởng tốt, bù đắp cho sự sụt giảm tỷ trọng tại thị trường Hoa Kỳ.

Nhờ vào việc nhanh chóng có chiến lược điều chỉnh, thích ứng với tình hình thị trường, tổng sản lượng tiêu thụ 9 tháng đầu năm 2025 của Công ty đạt 30.731 tấn, tăng 25,11% so với cùng kỳ; doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2025 đạt 1.450,7 tỷ đồng, tăng 30,25% so với cùng kỳ và lợi nhuận trước thuế đạt 113,8 tỷ đồng, tăng 58,19% so với cùng kỳ.

Vào ngày 14/11/2025, Tổng thống Donald Trump đã ký Sắc lệnh điều chỉnh mức thuế đối ứng đối với một số sản phẩm nông nghiệp, trong đó một số mặt hàng không chịu mức thuế đối ứng như cà phê, trà, trái cây nhiệt đới và nước ép, ca cao và gia vị, chuối, cam, cà chua... Đây là tín hiệu tích cực giúp Công ty giảm bớt áp lực chi phí, cải thiện biên lợi nhuận và tăng sức cạnh tranh để giành lại thị phần tại Hoa Kỳ trong giai đoạn tới.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Tổ chức đăng ký niêm yết luôn sử dụng và quản lý vốn điều lệ của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích, quy định tại Điều lệ.

Vốn điều lệ và vốn kinh doanh qua các năm như sau:

Bảng 25: Vốn điều lệ và Tổng nguồn vốn của Công ty mẹ

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Vốn điều lệ	144.000	183.998	205.037
II	Tổng cộng nguồn vốn	564.071	921.907	1.084.576

¹⁷ Tỷ trọng tính trên doanh thu xuất khẩu của Công ty

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1	Nợ phải trả	352.958	637.481	708.259
-	Nợ ngắn hạn	279.847	560.401	632.852
-	Nợ dài hạn	73.111	77.080	75.407
2	Vốn chủ sở hữu	211.113	284.427	376.317
-	Vốn góp của chủ sở hữu	144.000	183.998	205.037
-	Thặng dư vốn cổ phần	(182)	(182)	(262)
-	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
-	LNST chưa phân phối	67.295	100.610	171.542

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024 đã kiểm toán, BCTC riêng Quý 3/2025 tự lập của Công ty)

Bảng 26: Vốn điều lệ và tổng nguồn vốn Công ty hợp nhất

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Vốn điều lệ	144.000	183.998	205.037
II	Tổng cộng nguồn vốn	786.607	1.223.556	1.405.117
1	Nợ phải trả	558.424	921.680	1.001.272
-	Nợ ngắn hạn	363.368	736.624	829.086
-	Nợ dài hạn	195.057	185.056	172.186
2	Vốn chủ sở hữu	228.183	301.876	403.845
-	Vốn góp của chủ sở hữu	144.000	183.998	205.037
-	Thặng dư vốn cổ phần	(182)	(182)	(262)
-	Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-
-	LNST chưa phân phối	60.634	93.777	171.052
-	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23.731	24.283	28.018

(Nguồn: BCTC HN năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC HN Quý 3/2025 tự lập của Công ty)

Tính đến ngày 22/10/2025, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 205.037.080.000 đồng lên 240.037.080.000 đồng.

Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh qua các năm như sau:

Bảng 27: Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh của Công ty mẹ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Tài sản ngắn hạn	283.716	611.771	762.761
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	24.936	55.016	70.307
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.300	137.000	250.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	91.948	164.341	242.671
4	Hàng tồn kho (*)	142.654	237.414	168.908
5	Tài sản ngắn hạn khác	12.879	17.999	30.875
II	Tài sản dài hạn	280.355	310.137	321.815
1	Các khoản phải thu dài hạn	3.716	6.177	6.302
2	Tài sản cố định	200.718	197.352	233.419
3	Tài sản dở dang dài hạn	427	34.622	0
4	Đầu tư tài chính dài hạn	62.500	62.500	62.500
	- Đầu tư vào công ty con	58.500	58.500	58.500
	- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (**)	4.000	4.000	4.000
5	Tài sản dài hạn khác	12.994	9.485	19.594
	Tổng tài sản	564.071	921.907	1.084.576

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024 đã kiểm toán, BCTC riêng Quý 3/2025 tự lập của Công ty)

Bảng 28: Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh Công ty hợp nhất

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
I	Tài sản ngắn hạn	354.077	760.446	935.744
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	25.821	57.250	258.958
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.300	143.528	262.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	135.286	212.734	149.907

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
4	Hàng tồn kho (*)	166.676	322.996	224.487
5	Tài sản ngắn hạn khác	14.994	23.939	40.392
II	Tài sản dài hạn	432.530	463.110	469.373
1	Các khoản phải thu dài hạn	3.721	6.958	6.998
2	Tài sản cố định	394.012	392.263	427.287
3	Tài sản dở dang dài hạn	427	34.622	0
4	Đầu tư tài chính dài hạn	4.000	4.000	4.000
	- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (**)	4.000	4.000	4.000
5	Tài sản dài hạn khác	30.371	25.266	31.088
	Tổng tài sản	786.607	1.223.556	1.405.117

(Nguồn: BCTC HN năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC HN Quý 3/2025 tự lập của Công ty)

(*) Thuyết minh về cơ cấu hàng tồn kho, thời gian lưu kho và chính sách dự phòng của Công ty:

Cơ cấu hàng tồn kho:

Bảng 29: Cơ cấu hàng tồn kho của Công ty mẹ

DVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.420		7.518		11.858	
Công cụ, dụng cụ	577		1.035		1.310	
Thành phẩm	129.868	(1.451)	210.805	(6.945)	156.565	(3.979)
Hàng hóa	4.781		19.052		3.154	
Hàng gửi bán	2.459		5.949		0	
Tổng cộng	144.105	(1.451)	244.359	(6.945)	172.886	(3.979)

(Nguồn: BCTC riêng năm 2024 đã kiểm toán, BCTC riêng Quý 3/2025 tự lập của Công ty)

Bảng 30: Cơ cấu hàng tồn kho của Công ty hợp nhất

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		30/09/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.747		9.941		28.962	
Công cụ, dụng cụ	700		1.605		2.108	
Thành phẩm	154.521	(5.232)	296.928	(8.427)	201.470	(12.688)
Hàng hóa	4.781		16.999		2.852	
Hàng gửi bán	4.159		5.949		1.783	
Tổng cộng	171.908	(5.232)	331.422	(8.427)	237.175	(12.688)

(Nguồn: BCTC HN năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC HN Quý 3/2025 tự lập của Công ty)

Bảng 31: Cơ cấu Hàng tồn kho theo tỷ trọng

Chỉ tiêu	BCTC riêng			BCTC hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Nguyên liệu, vật liệu	4,46%	3,08%	6,86%	4,51%	3,00%	12,21%
Công cụ, dụng cụ	0,40%	0,42%	0,76%	0,41%	0,48%	0,89%
Thành phẩm	90,12%	86,27%	90,56%	89,89%	89,59%	84,95%
Hàng hóa	3,32%	7,80%	1,82%	2,78%	5,13%	1,20%
Hàng gửi bán	1,71%	2,43%	0,00%	2,42%	1,80%	0,75%
Tổng cộng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

(Nguồn: ANTESCO)

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các thành phẩm đã sản xuất. Trong cơ cấu hàng tồn kho, thành phẩm luôn chiếm tỷ trọng cao nhất, trên 80%. Trong đó, tỷ trọng lớn nhất là thành phẩm đông lạnh và chế biến sâu, được bảo quản trong điều kiện kho lạnh tiêu chuẩn, giúp kéo dài thời hạn sử dụng và giảm đáng kể rủi ro hư hỏng so với nông sản tươi thông thường.

Thời gian lưu kho:

Thời gian lưu kho cho các thành phẩm tồn kho không quá 2 năm vì đặc thù ngành rau quả là sản xuất theo mùa vụ để phục vụ cho đơn hàng bán trong năm. Về thời gian lưu kho, đặc thù ngành

rau quả có tính mùa vụ, tuy nhiên Công ty kiểm soát vòng quay tồn kho theo chu kỳ hợp đồng và kế hoạch xuất khẩu.

- Nguyên vật liệu tươi được đưa vào sản xuất trong thời gian ngắn, hầu như không phát sinh tồn kho dài ngày.
- Thành phẩm đông lạnh có thời gian lưu kho trung bình phù hợp với chu kỳ giao hàng xuất khẩu và nằm trong thời hạn chất lượng cho phép, được theo dõi chặt chẽ theo từng lô, từng thị trường. Tại các thời điểm cao vụ, để giảm thiểu chi phí sản xuất, Công ty có thể trữ hàng tồn kho qua sơ chế và cấp đông, và đưa vào sản xuất khi có đơn hàng/hoặc hết vụ.

Tỷ trọng hàng tồn kho của Công ty không quá lớn, thể hiện tính luân chuyển tốt của hàng tồn kho của Công ty. Với đặc thù là các sản phẩm đông lạnh, do đó có thể bảo quản được lâu mà hạn chế hư hỏng, sụt giảm giá trị.

Chính sách dự phòng:

- Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo đúng quy định của chế độ kế toán, trên cơ sở đánh giá khả năng tiêu thụ, thời hạn sử dụng và biến động thị trường.

Mức trích lập dự phòng hàng tồn kho thành phẩm = Tổng giá gốc (giá trị hàng tồn kho thực tế + chi phí ước tính hoàn thành sản phẩm tiêu thụ) - Tổng giá trị thuần (giá bán ước thực hiện cho kỳ sau)

- Công ty cũng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm quốc tế (như FSSC 22000, BRC Food, FSMA, HALAL, KOSHER...), giúp giảm thiểu rủi ro sản phẩm không đạt chuẩn, trả hàng hoặc phải hủy bỏ.
- Cơ cấu sản phẩm Công ty ngày càng chuyển dịch sang chế biến sâu, kéo dài vòng đời sản phẩm, giảm rủi ro tồn kho so với mô hình kinh doanh nông sản tươi truyền thống.

() Chi tiết khoản Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty:**

Khoản đầu tư trái phiếu phản ánh giá trị trái phiếu Công ty nắm giữ với kỳ hạn 120 tháng đáo hạn ngày 20 tháng 7 năm 2033 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng này.

Giai đoạn	Tại 31/12/2023		Tại 31/12/2024		Tại 30/06/2025	
	Tiền gốc tại 31/12/2023	Tiền lãi từ ngày 20/07/2023 đến ngày 31/12/2023	Tiền gốc tại 31/12/2024	Tiền lãi từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024	Tiền gốc tại 30/06/2025	Tiền lãi từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025
Trái phiếu Vietinbank	4.000.000.000	137.424.658	4.000.000.000	259.715.067	4.000.000.000	118.616.985

(Nguồn: ANTESCO)

Thông tin về Trái phiếu như sau:

- Tổ chức phát hành: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank)
- Tên trái phiếu: Trái phiếu kỳ hạn 10 năm (CTG2232T2/01)
- Mã chứng khoán: CTG123019
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VNĐ
- Hình thức phát hành: Trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng.
- Loại trái phiếu: Là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của Vietinbank theo quy định của pháp luật hiện hành
- Kỳ hạn: 10 năm (Ngày phát hành: 20/7/2023 - Ngày đáo hạn: 20/7/2033)
- Lãi suất Trái phiếu: Lãi suất tham chiếu + 1,3%/năm

Trong đó, lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày xác định lãi suất trên Trang thông tin điện tử chính thức của ngân hàng tham chiếu (gồm 4 ngân hàng là: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam).

- Phương thức thanh toán gốc, lãi:
 - Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ (01) năm một lần vào Ngày thanh toán lãi trái phiếu.
 - Trừ khi được mua lại trước hạn theo các quy định của các điều kiện của trái phiếu, tiền gốc trái phiếu CTG2232T2/01 sẽ được hoàn trả bằng 100% mệnh giá trái phiếu vào ngày đáo hạn trái phiếu CTG2232T2/01.
- Đăng ký và niêm yết trái phiếu: Trái phiếu được đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, và được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Số lượng trái phiếu ANTESCO đầu tư: 40.000 trái phiếu
- Giá trị trái phiếu ANTESCO đầu tư (theo mệnh giá trái phiếu): 4.000.000.000 VNĐ

Đánh giá rủi ro đối với khoản đầu tư trái phiếu Vietinbank nêu trên:

- Khoản trái phiếu Công ty đang nắm giữ là trái phiếu của Vietinbank - một ngân hàng thương mại có vốn nhà nước phát hành, có quy mô tài sản lớn, hoạt động kinh doanh ổn định và tuân thủ quy định an toàn vốn của Ngân hàng Nhà nước.

- Lãi suất của Trái phiếu tại 2 kỳ trả lãi gần nhất là 7,6%/ năm (kỳ trả lãi từ ngày 20/07/2023 đến, nhưng không bao gồm ngày 20/07/2024); và 5,98%/năm (kỳ trả lãi từ ngày 20/07/2024 đến, nhưng không bao gồm ngày 20/07/2025).

- Không phát sinh chậm thanh toán các nghĩa vụ về gốc và lãi trong kỳ từ 20/7/2023 (thời điểm phát hành) đến ngày 30/6/2025.

- Theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá không có phát sinh các rủi ro đáng kể liên quan đến khả năng thu hồi khoản trái phiếu này.

2.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

Phương pháp trích khấu hao: Tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Các loại tài sản	Số năm khấu hao
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 – 31
Máy móc và thiết bị	05 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Quyền sử dụng đất	37 - 45
Phần mềm máy tính	08

Công ty thực hiện xác định thời gian khấu hao phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 45/2013/TT/BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Những thay đổi trong chính sách khấu hao: Chính sách trích khấu hao của Công ty được thực hiện xuyên suốt, không thay đổi và theo đúng quy định của pháp luật.

2.1.3. Mức lương bình quân

Bảng 32: Thu nhập bình quân của người lao động Công ty

Năm	Thu nhập bình quân
2023	10.400.000 đồng/người/tháng
2024	11.000.000 đồng/người/tháng
9 tháng 2025	10.600.000 đồng/người/tháng

(Nguồn: ANTESCO)

Công ty hiện chưa có đầy đủ dữ liệu để đối chiếu mức lương bình quân với các doanh nghiệp khác cùng ngành tại địa bàn. Tuy vậy, qua đánh giá nội bộ, Công ty nhận định mức lương bình quân của người lao động tại ANTESCO ở mức trung bình so với mặt bằng chung của ngành.

2.1.4. Tình hình công nợ

Bảng 33: Tình hình công nợ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Tổng các khoản phải thu	95.664	170.518	248.973	139.007	219.692	156.906
Tổng các khoản phải trả	352.958	637.481	708.259	558.424	921.680	1.001.272

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của ANTESCO)

Do đặc thù của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất – chế biến nông sản, Công ty có nhu cầu cao về vốn lưu động để tài trợ cho hoạt động thu mua và sản xuất theo mùa vụ. Với mục tiêu mở rộng kinh doanh và đáp ứng tăng trưởng doanh thu, Công ty đã chủ động tăng cường sử dụng đòn bẩy tài chính ngắn hạn, chủ yếu thông qua các khoản vay ngân hàng và tín dụng thương mại. Trong năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025, các khoản nợ phải trả của ANTESCO ghi nhận sự gia tăng mạnh, tương đồng với đà tăng trưởng vượt bậc về quy mô và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian qua (như đã phân tích tại mục 1.1 Phần V của Bản cáo bạch). Sự gia tăng này là điều tất yếu nhằm đáp ứng nhu cầu vốn ngày càng lớn phục vụ cho chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty (Chi tiết trình bày tại mục 2.1.6 Các khoản phải trả Phần V của Bản cáo bạch).

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)



2.1.5. Các khoản phải thu

Bảng 34: Tình hình các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	91.948	164.341	242.671	135.286	212.734	149.907
Phải thu khách hàng	34.721	76.005	148.399	34.729	79.800	146.723
Trả trước người bán	5.843	10.292	2.730	5.959	16.558	3.221
Phải thu về cho vay ngắn hạn (*)	52.100	74.800	90.100 (**)	-	-	-
Phải thu khác	3.131	7.905	6.553	98.445	121.037	5.074
Dự phòng nợ khó đòi	(3.848)	(4.660)	(5.111)	(3.848)	(4.660)	(5.111)
Các khoản phải thu dài hạn	3.716	6.177	6.302	3.721	6.958	6.998
Trả trước người bán dài hạn	-	-	-	4	-	-
Phải thu dài hạn khác	3.716	6.177	6.302	3.716	6.958	6.998
Tổng cộng	95.664	170.518	248.973	139.007	219.692	156.906

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của ANTESCO)

(*) Chi tiết khoản cho vay của Công ty đối với Công ty TNHH B'Laofood (công ty con của Công ty) tại 31/12/2023, 31/12/2024 và 30/06/2025 như sau:

Công ty có khoản cho vay đối với Công ty TNHH B'Laofood (công ty con của Công ty) như sau:

ĐVT: VNĐ

Đối tượng	Năm 2023				Năm 2024				30/06/2025		
	Số dư gốc vay tại 31/12/2023	Tiền lãi phát sinh	Lãi suất (%) / năm	Số dư gốc vay tại 31/12/2024	Tiền lãi phát sinh	Lãi suất (%) / năm	Số dư gốc vay tại 30/06/2025	Tiền lãi phát sinh	Lãi suất (%) / năm		
Cho vay Công ty TNHH B'laofood, trong đó:	52.100.000.000	541.498.632		74.800.000.000	5.208.498.631		77.600.000.000	3.034.350.684			
1. Hợp đồng 31082023/HĐV/ANT-BLF ngày 31/08/2023 và phụ lục	19.000.000.000	443.736.987	9,00%		1.235.842.468	7,00%		309.534.246	7,00%		
2. Hợp đồng 04/HĐV-RQTPAG ngày 24/11/2023 và phụ lục	33.100.000.000	97.761.645	8,50%	50.000.000.000	3.335.406.850	8,50%	50.000.000.000	1.562.054.797	6,30%		
3. Hợp đồng 01.HĐV-RQTPAG ngày 30/08/2024 và phụ lục				24.800.000.000	637.249.313	7,00%	17.600.000.000	873.446.574	7,00%		
4. Hợp đồng 01.2025.HĐV-RQTPAG ngày 06/01/2025 và phụ lục							10.000.000.000	289.315.067	6,00%		

(Nguồn: ANTESCO)

Thông tin chi tiết của các hợp đồng vay trên như sau:

a. Hợp đồng số 31082023/HĐV/ANT-BLF ngày 31/8/2023 và phụ lục

- Thẩm quyền phê duyệt: Hợp đồng được phê duyệt theo Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023 của HĐQT CTCP Rau quả thực phẩm An Giang.

- Giá trị hợp đồng: 20.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- Lãi suất của kỳ hạn cho vay đầu tiên (31/08/2023 – 31/08/2024) là 9,0%/năm.
- Số dư gốc cho vay tại 30/06/2025: 0 VNĐ.

b. Hợp đồng 04/HĐV-RQTPAG ngày 24/11/2023 và phụ lục

- Thẩm quyền phê duyệt: Hợp đồng được phê duyệt theo Nghị quyết số 40/2023/NQ-HĐQT ngày 20/11/2023 của HĐQT CTCP Rau quả thực phẩm An Giang.

- Giá trị hợp đồng: 50.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Lãi suất của kỳ hạn cho vay đầu tiên (24/11/2023 – 24/11/2024) là 8,5%/năm
- Số dư gốc cho vay tại 31/12/2023: 33.100.000.000 VNĐ
- Số dư gốc cho vay tại 31/12/2024: 50.000.000.000 VNĐ
- Số dư gốc cho vay tại 30/06/2025: 50.000.000.000 VNĐ

c. Hợp đồng 01/HĐV-RQTPAG ngày 30/8/2024 và phụ lục

- Thẩm quyền phê duyệt: Hợp đồng được phê duyệt theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐQT ngày 30/08/2024 của HĐQT CTCP Rau quả thực phẩm An Giang.

- Giá trị hợp đồng: 30.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Lãi suất của kỳ hạn cho vay đầu tiên (30/08/2024 – 30/08/2025) là 7,0%/năm
- Số dư gốc cho vay tại 31/12/2024: 24.800.000.000 VNĐ
- Số dư gốc cho vay tại 30/06/2025: 17.600.000.000 VNĐ

d. Hợp đồng 01.2025.HĐV-RQTPAG ngày 06/01/2025 và phụ lục

- Thẩm quyền phê duyệt: Hợp đồng được phê duyệt theo Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐQT ngày 30/08/2024 của HĐQT CTCP Rau quả thực phẩm An Giang.

- Giá trị hợp đồng: 20.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Lãi suất của kỳ hạn cho vay (06/01/2025 – 06/01/2026) là 6,0%/năm
- Số dư gốc cho vay tại 30/06/2025: 10.000.000.000 VNĐ

Đánh giá về việc cho vay đối với Công ty TNHH B'Laofood:

- Các hợp đồng trên đã được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Rau quả thực phẩm An Giang thông qua theo đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, các khoản cho vay còn dư của Công ty TNHH B'Laofood có khả năng thu hồi gốc và lãi đầy đủ.

() Chi tiết khoản chênh lệch Phải thu về cho vay ngắn hạn tại 30/09/2025 theo Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý**

3/2025 của Công ty:

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	30/09/2025 (BCTC riêng)	30/09/2025 (BCTC hợp nhất)
	Các khoản phải thu ngắn hạn	242.671	149.907
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	148.399	146.723
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.730	3.221
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	90.100	-
4	Phải thu khác	6.553	5.074
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.111)	(5.111)

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của ANTESCO)

Khoản chênh lệch 90,1 tỷ đồng của khoản mục Phải thu về cho vay ngắn hạn tại 30/09/2025 theo số liệu của Báo cáo tài chính riêng Quý 3/2025 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2025 là do: Khoản mục Phải thu về cho vay ngắn hạn tại Báo cáo tài chính riêng Quý 3/2025 thể hiện khoản Công ty cho Công ty TNHH B'laofood (công ty con của Công ty) vay theo các hợp đồng vay đã trình bày ở trên, trong đó số dư cho Công ty TNHH B'laofood vay đến 30/09/2025 là 90,1 tỷ đồng (xem Thuyết minh số 34 của Báo cáo tài chính riêng Quý 3/2025). Tại Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2025, do khoản Công ty cho Công ty TNHH B'laofood vay là giao dịch nội bộ nên tại Báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi loại trừ giao dịch nội bộ, số dư của khoản mục Phải thu về cho vay ngắn hạn là 0 đồng.

❖ Các khoản phải thu quá hạn

Bảng 35: Các khoản phải thu quá hạn Công ty mẹ và hợp nhất tại ngày 30/09/2025

ĐVT: triệu đồng

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1	Công ty TNHH Alba	2.645	2.645	Trên 3 năm	Không còn hoạt động tại địa chỉ cũ, không liên lạc được	Khó có khả năng thu hồi nợ
2	CTCP Thái Nông Việt	1.458	1.458	Trên 3 năm	Do đầu tư sản xuất thất mùa nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty. Công ty ngừng hoạt động, không còn khả năng thanh toán.	Khó có khả năng thu hồi nợ
3	Công ty TNHH MTV DV NN Công Nghệ Cao Angimex	308	154	Dưới 3 năm	Do đầu tư sản xuất thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty. Công ty không còn khả năng thanh toán.	Công ty đang triển khai các biện pháp thu hồi nợ và khả năng thu hồi nợ trong năm 2026
4	Công ty TNHH Dịch Vụ Nông Nghiệp NPS	161	81	Dưới 3 năm	Không còn hoạt động tại địa chỉ cũ, không liên lạc được.	Khó có khả năng thu hồi nợ
5	Công ty TNHH TM DV Vĩnh Kim	50	50	Trên 3 năm	Không còn hoạt động tại địa chỉ cũ, không liên lạc được	Khó có khả năng thu hồi nợ

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
6	Combine Logistics BV	176	176	Trên 3 năm	Công nợ từ năm 2014, đòi nợ nhiều lần nhưng không thanh toán, không còn liên lạc được	Khó có khả năng thu hồi nợ
7	Công ty cổ phần An Xuyên	122	122	Trên 3 năm	Công ty đã phá sản không có khả năng thanh toán	Không có khả năng thu hồi nợ
8	Nguyễn Thị Thùy Linh	41	41	Trên 3 năm	Do thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty, không còn khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi nợ
9	Nguyễn Trung Tào	150	150	Trên 3 năm	Do thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty, không còn khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi nợ
10	Võ Thanh Liêm	19	19	Trên 3 năm	Do thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty, không còn khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi nợ
11	La Tráng Kiện	85	59	Trên 3 năm	Do thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty, không còn khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi nợ
12	Nguyễn Hữu Hạnh	7	5	Dưới 3 năm	Do thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty, không còn khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi nợ

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị đã trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
13	Phan Thành Bắc	73	42	Trên 01 năm đến dưới 03 năm	Do thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty, không còn khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi nợ
14	Bùi Thị Bông	30	21	Dưới 3 năm	Do thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty, không còn khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi nợ
15	Nguyễn Văn Lâm	127	63	Dưới 3 năm	Do thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty, không còn khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi nợ
16	Nguyễn Trung Chánh	36	25	Dưới 3 năm	Do thất mùa (dịch bệnh) nên không có sản lượng thu hoạch để bán cho Công ty, không còn khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi nợ
	Tổng cộng	5.486	5.111			

(Nguồn: ANTESCO)

Phương án xử lý: Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập được thực hiện theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán và tại Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Tỷ lệ trích lập dự phòng của Công ty đối với các khoản phải thu quá hạn là 93,16%, gần như bao phủ toàn bộ giá trị khoản phải thu quá hạn (nợ xấu) của Công ty.



Đối với các khoản phải thu quá hạn còn có khả năng thu hồi: Công ty tiếp tục triển khai các biện pháp thu hồi lại công nợ cho Công ty.

Đối với các khoản phải thu quá hạn không còn khả năng thu hồi và đã trích lập dự phòng 100%: Công ty sẽ thực hiện xóa nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán theo quy định của pháp luật.

2.1.6. Các khoản phải trả

❖ Nợ ngắn hạn và nợ dài hạn

Bảng 36: Tình hình các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Nợ phải trả ngắn hạn	279.847	560.401	632.852	363.368	736.624	829.086
Phải trả người bán	32.806	62.967	53.464	34.726	70.223	54.406
Người mua trả tiền trước	19.174	58.320	6.634	20.770	63.701	6.668
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	3.515	15.048	14.659	3.589	15.055	14.669
Phải trả người lao động	4.815	6.514	9.375	5.901	8.411	12.120
Chi phí phải trả	8.755	22.391	21.796	10.712	25.333	24.464
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	68	-	-	68	-	-
Phải trả khác	1.909	1.505	3.599	3.514	1.550	4.213



Chi tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	208.777	387.565	505.160	284.061	546.261	694.381
Dự phòng các khoản phải trả ngắn hạn	-	6.064	17.737	-	6.064	17.737
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26	26	428	26	26	428
Nợ phải trả dài hạn	73.111	77.080	75.407	195.057	185.056	172.186
Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	14.261	1.182	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	107	69	41	107	69	41
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	70.835	74.930	72.640	178.519	181.724	169.419
Dự phòng phải trả dài hạn	2.169	2.080	2.727	2.169	2.080	2.727
Tổng cộng	352.958	637.481	708.259	558.424	921.680	1.001.272

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của ANTESCO)

Theo báo cáo tài chính riêng:

Tổng nợ phải trả của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2024 là 637,5 tỷ đồng, tăng 80,61% (tăng 284,5 tỷ đồng) so với thời điểm 31/12/2023. Tính đến ngày 30/09/2025, tổng nợ phải trả của Công ty mẹ là 708,3 tỷ đồng, tăng 11,1% (tăng 70,8 tỷ đồng). Nguyên nhân gia tăng tổng nợ phải trả của Công ty trong năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 chủ yếu đến từ sự gia tăng của nợ phải trả ngắn hạn (nợ phải trả ngắn hạn chiếm trên 87% tổng nợ phải trả).
Cụ thể:

- Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2024 là 560,4 tỷ đồng, tăng 100,25% so với cuối kỳ năm 2023 (tương đương tăng 284,5 tỷ đồng). Nợ phải trả ngắn hạn tại 30/09/2025 là 632,9 tỷ đồng, chỉ tăng 12,93% (tương đương tăng 72,5 tỷ đồng) so với tại thời điểm 31/12/2024.

- + Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại 31/12/2024 tăng 85,6% so với thời điểm 31/12/2023, cụ thể tăng từ 208,8 tỷ đồng lên 387,6 tỷ đồng, phần ảnh các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các tổ chức tín dụng dùng để thanh toán các khoản chi phí mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất dự trữ hàng tồn kho cuối năm 2024 (hàng tồn kho của Công ty cuối năm 2024 tăng 66,43% so với cuối năm 2023); và đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất. Khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tại 31/12/2024 chiếm đến 60,8% trên tổng nợ phải trả của Công ty. Cuối 30/09/2025, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đạt 505,1 tỷ đồng, tăng 30,34% so với thời điểm 31/12/2024 (tương đương tăng 117,6 tỷ đồng), cũng với mục đích tài trợ cho hoạt động kinh doanh như trong năm 2024.
- + Phải trả người bán ngắn hạn tại 31/12/2024 là 62,96 tỷ đồng, tăng 91,94% so với thời điểm 31/12/2023 (tương đương tăng 30,1 tỷ đồng), chủ yếu là khoản phải trả mua nguyên vật liệu sản xuất dự trữ tồn kho. Cuối 30/09/2025, phải trả người bán ngắn hạn là 53,5 tỷ đồng, giảm 15,1% so với cuối năm 2024.
- + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 31/12/2024 là 15 tỷ đồng, tăng 328,1% so với cuối kỳ năm 2023 (tương đương tăng 11,5 tỷ đồng), chủ yếu là thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2024. Cuối 30/09/2025, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 14,7 tỷ đồng, giảm 2,6% so với cuối năm 2024.
- + Chi phí phải trả ngắn hạn tại 31/12/2024 là 22,4 tỷ đồng, tăng 155,8% so với cuối kỳ năm 2023 (tương ứng tăng 13,6 tỷ đồng), chủ yếu do tăng khoản trích trước tiền lương, thưởng cho người lao động cuối năm. Cuối 30/09/2025, chi phí phải trả là 21,8 tỷ đồng, giảm 2,66% so với cuối năm 2024.
- + Dự phòng phải trả ngắn hạn tại 31/12/2024 là 6 tỷ đồng (tại 31/12/2023 là 0 đồng). Cuối kỳ 30/09/2025, dự phòng phải trả ngắn hạn là 17,7 tỷ đồng, tăng 192,49% so với cuối năm 2024. Chủ yếu là chi phí Công ty chủ động trích lập dự phòng phí kiểm tra chất lượng hàng hóa tại các thị trường nhập khẩu để quản trị rủi ro.
- Nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2024 là 77 tỷ đồng, tăng 5,4% so với thời điểm 31/12/2023 (tương ứng tăng 4 tỷ) chủ yếu do Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tăng 5,78% (tương ứng tăng 4 tỷ đồng) do Công ty vay đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất. Cuối 30/09/2025, nợ phải trả dài hạn là 75,4 tỷ đồng, giảm 2,17% so với cuối năm 2024, chủ yếu do Công ty trả bớt một phần khoản vay dài hạn.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất:

Tổng nợ phải trả của Công ty hợp nhất tại thời điểm 31/12/2024 là 921,7 tỷ đồng, tăng 65,05% (tương ứng tăng 363,3 tỷ đồng) so với thời điểm 31/12/2023. Tính đến ngày 30/09/2025, tổng nợ phải trả của Công ty hợp nhất là 1.001 tỷ đồng, tăng 8,64% (tăng 80 tỷ đồng). Nguyên nhân gia tăng tổng nợ phải trả của Công ty hợp nhất trong năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 cũng chủ yếu đến từ sự gia tăng của nợ phải trả ngắn hạn do Công ty con cũng tăng các khoản vay ngắn hạn để phục vụ sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

- Nợ phải trả ngắn hạn tại 31/12/2024 là 736,6 tỷ đồng, tăng 102,72% so với cuối kỳ năm 2023 (tương đương tăng 373,3 tỷ đồng). Nợ phải trả ngắn hạn tại 30/09/2025 là 829,1 tỷ đồng, chỉ tăng 12,55% (tương đương tăng 92,5 tỷ đồng) so với tại thời điểm 31/12/2024.
- + Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn tại 31/12/2024 là 546,3 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 59,2% trên tổng nợ phải trả hợp nhất), tăng 92,3% so với thời điểm 31/12/2023 (tương ứng tăng 262,2 tỷ đồng) chủ yếu do tăng khoản vay ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng dùng để thanh toán các khoản chi phí mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất dự trữ hàng tồn kho cuối năm 2024 (hàng tồn kho của Công ty cuối năm 2024 tăng 93,79% so với cuối năm 2023); và đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất. Cuối 30/09/2025, vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn là 694,4 tỷ đồng, tăng 27,12% so với cuối năm 2024 (tương đương tăng 148,1 tỷ đồng), cũng với mục đích tài trợ cho hoạt động kinh doanh như trong năm 2024.
- + Phải trả người bán ngắn hạn tại 31/12/2024 là 70,2 tỷ đồng, tăng 102,22% so với thời điểm 31/12/2023 (tương đương tăng 35,5 tỷ đồng), chủ yếu là khoản phải trả mua nguyên vật liệu sản xuất dự trữ tồn kho. Cuối 30/09/2025, phải trả người bán ngắn hạn là 54,4 tỷ đồng, giảm 22,5% so với cuối năm 2024.
- + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 31/12/2024 là 15 tỷ đồng, tăng 319,45% so với cuối kỳ năm 2023 (tương đương tăng 11,5 tỷ đồng), chủ yếu là thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2024. Cuối 30/09/2025, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước là 14,7 tỷ đồng, giảm 2,6% so với cuối năm 2024.
- + Chi phí phải trả ngắn hạn tại 31/12/2024 là 25,3 tỷ đồng, tăng 136,48% so với cuối kỳ năm 2023 (tương ứng tăng 14,6 tỷ đồng), chủ yếu do tăng khoản trích trước tiền lương, thưởng cho người lao động cuối năm. Cuối 30/09/2025, chi phí phải trả là 24,5 tỷ đồng, giảm 3,43% so với cuối năm 2024.
- + Dự phòng phải trả ngắn hạn tại 31/12/2024 là 6 tỷ đồng (tại 31/12/2023 là 0 đồng). Cuối kỳ 30/09/2025, dự phòng phải trả ngắn hạn là 17,7 tỷ đồng, tăng 192,49% so với cuối năm 2024. Chủ yếu là chi phí Công ty chủ động trích lập dự phòng phí kiểm tra chất lượng hàng hóa tại các thị trường nhập khẩu để quản trị rủi ro.
- Nợ phải trả dài hạn tại 31/12/2024 là 185 tỷ đồng, giảm 5,1% so với thời điểm 31/12/2023 (tương ứng giảm 10 tỷ). Cuối 30/09/2025, nợ phải trả dài hạn là 172,2 tỷ đồng, giảm 6,95% so với cuối năm 2024.
- + Phải trả người bán dài hạn tại 31/12/2024 là 1,2 tỷ đồng, giảm 91,7% so với cuối kỳ năm 2023 (tương ứng giảm 13 tỷ đồng). Đây là khoản phải trả của Công ty TNHH B'laofood cho các nhà thầu xây dựng nhà máy B'laofood. Cuối 30/09/2025, Công ty đã thanh toán hết và số dư phải trả người bán dài hạn là 0 đồng.



- + Vay và nợ thuê tài chính dài hạn tại 31/12/2024 là 181,7 tỷ đồng, tăng 1,8% (tương ứng tăng 3,2 tỷ đồng) do Công ty vay đầu tư trang thiết bị để nâng cao năng lực sản xuất. Cuối 30/09/2025, vay và nợ thuê tài chính dài hạn là 169,4 tỷ đồng, giảm 6,77% so với cuối năm 2024 chủ yếu do Công ty trả bớt nợ vay dài hạn.

Nhìn chung, sự gia tăng nợ phải trả của Công ty trong năm 2024 và 9 tháng đầu năm 2025 phản ánh đúng định hướng đẩy mạnh nguồn lực tài chính, đặc biệt là vốn vay ngắn hạn, để tài trợ cho giai đoạn tăng trưởng quy mô hoạt động của Công ty. Đây là bước đi cần thiết để nắm bắt cơ hội thị trường, nhưng nó cũng đồng thời gia tăng áp lực tài chính ngắn hạn. Việc tăng các khoản phải trả nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh của công ty và phù hợp với chiến lược tăng quy mô, cụ thể doanh thu hợp nhất tăng từ 757.555 triệu đồng năm 2023 lên 1.404.814 triệu đồng và tăng lên 1.450.870 tỷ đồng vào 30/09/2025.

Để quản trị rủi ro nợ phải trả, Công ty tập trung tối ưu hóa vốn lưu động thông qua việc nâng cao năng lực dự báo nhu cầu tiêu thụ để giải phóng hàng tồn kho và áp dụng chính sách tín dụng linh hoạt nhằm đẩy nhanh tốc độ thu hồi công nợ. Song song đó, Công ty chủ động duy trì các hạn mức tín dụng dự phòng để đảm bảo an toàn tài chính trước mọi biến động của thị trường.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)



❖ **Thông tin về các khoản vay**

Bảng 37: Vay ngắn hạn của Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 (1)	130.949	175.551	256.214
Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh (2)	103.672	134.264	157.144
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn (3)	-	191.129	137.127
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Bến Thành	22.030	-	-
Ngân hàng BPCE IOM – CN TP.HCM (4)	-	-	4.914
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang (5)	-	-	79.678
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Quận 10 (6)	-	-	1.802
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh An Giang (7)	-	-	19.974
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	2.303	-
Tổng cộng	256.651	503.247	656.855

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của ANTESCO)

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 7:

- **Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang:** Khoản vay ngắn hạn hạn mức 350 tỷ đồng, thời hạn 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động sản xuất chế biến rau quả. Khoản vay được đảm bảo bằng bất động sản, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, trái phiếu, hàng tồn kho và các khoản phải thu.
- **Công ty TNHH B'Laofood:** Khoản vay ngắn hạn hạn mức 70 tỷ đồng, thời hạn đến 31/8/2026, mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bởi hợp đồng tiền gửi, hợp đồng liên kết có kỳ hạn, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền, quyền thuê khu công nghiệp cùng các tài sản, công trình phụ trợ khác.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh

- **Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang:** Khoản vay hạn mức 300 tỷ đồng theo Hợp đồng ngày 05/09/2025, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay tối đa 6 tháng/lần trong vòng 12 tháng. Tài sản bảo đảm gồm bất động sản, quyền sử dụng đất, nhà xưởng và hợp đồng tiền gửi.
- **Công ty TNHH B'Laofood:** Khoản vay hạn mức 100 tỷ đồng theo Hợp đồng ngày 02/05/2025, thời hạn 6 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động. Tài sản bảo đảm gồm bất động sản gắn liền với đất, tài sản liên kết và quyền sử dụng đất.

(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn

- **Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang:** Khoản vay hạn mức 200 tỷ đồng theo các hợp đồng tín dụng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn đến 15/01/2026, từng lần giải ngân tối đa 6 tháng. Tài sản bảo đảm gồm bất động sản, quyền sử dụng đất, nhà xưởng, máy móc thiết bị và hợp đồng liên kết tài sản.
- **Công ty TNHH B'Laofood:** Khoản vay hạn mức 65 tỷ đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 18/05/2025, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn tối đa 6 tháng/lần giải ngân. Tài sản bảo đảm là bất động sản theo hợp đồng thế chấp và tài sản cố định kèm quyền lợi bảo hiểm.

(4) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM - Chi nhánh Hồ Chí Minh

- **Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang:** Khoản vay hạn mức 100 tỷ đồng theo các hợp đồng tín dụng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn đến 07/08/2026, từng lần giải ngân tối đa 6 tháng. Tài sản bảo đảm gồm sổ tiết kiệm tiền gửi và hàng tồn kho.

(5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang

- **Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang:** Khoản vay hạn mức 100 tỷ đồng theo các hợp đồng tín dụng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn đến 18/08/2026, từng lần giải ngân tối đa 5 tháng. Tài sản bảo đảm gồm sổ tiết kiệm tiền gửi và hàng tồn kho.

(6) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Quận 10

- **Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang:** Khoản vay hạn mức 100 tỷ đồng theo các hợp đồng tín dụng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn đến 07/07/2026, từng lần giải ngân tối đa 6 tháng. Tài sản bảo đảm gồm sổ tiết kiệm tiền gửi và quyền đòi nợ.

(7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh An Giang

- **Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang:** Khoản vay hạn mức 100 tỷ đồng theo các hợp đồng tín dụng, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn đến 26/08/2026, từng lần giải ngân tối đa 6 tháng. Tài sản bảo đảm gồm sổ tiết kiệm tiền gửi, hàng tồn kho và quyền đòi nợ luân chuyển.

Bảng 38: Vay và thuê tài chính dài hạn của Công ty hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -	193.767	200.877	189.334

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Chi nhánh 7 (1)			
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	12.162	17.578	12.342
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	6.283	5.269
Tổng cộng	205.929	224.738	206.944
<i>Trong đó, Vay dài hạn đến hạn trả:</i>			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7	23.240	34.680	30.937
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	4.170	6.981	5.236
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.353	1.353
Tổng vay dài hạn đến hạn trả	27.410	43.014	37.526

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của ANTESCO)

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7, gồm:

- Hợp đồng cho vay số 1111/2022-HĐCVDATT/NHCT924-ANT ngày 29/11/2022, thời hạn 37 tháng với tổng hạn mức 28 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư Dự án Nhà máy Bình Long. Khoản vay trả gốc trong 12 kỳ; lãi suất thả nổi, điều chỉnh hàng tháng theo lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VNĐ cao nhất được niêm yết tại ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm.
- Hợp đồng cho vay số 1208/2022-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 28/12/2022 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 1208/2022-HĐCVDADT-NHCT924-ANT ký ngày 17/07/2023, tổng hạn mức 21 tỷ đồng để đầu tư và sửa chữa Nhà máy Bình Long. Khoản vay trả gốc trong 56 kỳ; lãi suất thả nổi, điều chỉnh hàng tháng theo lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VNĐ cao nhất được niêm yết tại ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm.

Tài sản bảo đảm cho 2 khoản vay trên là giá trị tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất tại Nhà máy Bình Long đồng thời đảm bảo cho các khoản vay khác tại ngân hàng này.

- Hợp đồng cho vay số 0105/2023-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 18/01/2023, kỳ hạn 84 tháng, tổng hạn mức 52 tỷ đồng để thanh toán chi phí đầu tư dự án Nhà máy Mỹ An.

Khoản vay được trả gốc trong 63 kỳ; lãi suất thả nổi, điều chỉnh hàng tháng theo lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VNĐ cao nhất được niêm yết tại ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 4%/năm. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là các tài sản cố định hữu hình đồng thời đảm bảo cho các khoản vay khác tại ngân hàng này.

- Hợp đồng cho vay số 1207/2024-HĐCVDADT/NHCT924-ANT ngày 26/12/2024, thời hạn 60 tháng, tổng hạn mức 50 tỷ đồng để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng, cải tạo và mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh tại Nhà máy Mỹ An, Nhà máy Bình Long và Nhà máy Bình Khánh. Khoản vay trả gốc trong 60 kỳ; lãi suất thả nổi, điều chỉnh hàng tháng theo lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau VNĐ cao nhất được niêm yết tại ngân hàng cộng chi phí huy động vốn tăng thêm và cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay là giá trị tài sản cố định hữu hình (bao gồm máy móc và thiết bị quản lý), hình thành từ dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và mua sắm máy móc thiết bị tại Nhà máy Mỹ An, Nhà máy Bình Long và Nhà máy Bình Khánh; tất cả các lợi ích, khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác có thể nhận được liên quan đến Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.
- Hợp đồng cho vay số 0601/2022-HĐCVDADT/NHCT924-B'LAOFOOD ngày 20/6/2022, thời hạn 120 tháng (ân hạn 12 tháng) với tổng hạn mức 130 tỷ đồng để đầu tư Dự án Nhà máy chế biến rau quả - Giai đoạn 1. Lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang đồng thời được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty TNHH B'Laofood tại ngân hàng này.

❖ **Các khoản vay với bên liên quan:**

Công ty có khoản vay bên liên quan như sau:

Tên tổ chức có liên quan	Số phát sinh năm 2023		Số dư gốc vay tại 31/12/2023	Số dư gốc vay tại 31/12/2024	Số dư gốc vay tại 30/06/2025
	Nợ vay trong năm 2023	Tiền lãi vay năm 2023			
Công ty TNHH Baby Corn	26.400.000.000	1.184.745.206	0	0	0
Công ty Cổ phần Ylang Holdings	20.000.000.000	1.355.990.137	0	0	0
Tổng cộng	46.400.000.000	2.540.735.343	0	0	0

Cụ thể:

➤ **Khoản vay Công ty TNHH Baby Corn:**

- Số hợp đồng vay: 01/HDV.ANT ngày 25/02/2023
- Thẩm quyền phê duyệt: Hợp đồng được phê duyệt theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 24/02/2023 của Hội đồng quản trị CTCP Rau quả thực phẩm An Giang về việc thông qua hợp đồng vay với Công ty TNHH Baby Corn.

- Giá trị hợp đồng vay: 30.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng
- Lãi suất: 8,4%/năm
- Ngày 11/09/2023 CTCP Rau quả thực phẩm An Giang đã thực hiện tất toán toàn bộ nợ vay cho Công ty TNHH Baby Corn.
- Tính đến 31/12/2023, dư nợ vay đối với hợp đồng này là 0 VNĐ.

➤ **Khoản vay Công ty Cổ phần Ylang Holdings:**

- Số hợp đồng vay: 07/HĐV ngày 29/12/2022
- Thẩm quyền phê duyệt: Hợp đồng được phê duyệt theo Nghị quyết số 57/2022/NQ-HĐQT ngày 26/12/2022 của Hội đồng quản trị CTCP Rau quả thực phẩm An Giang về việc thông qua hợp đồng vay với Công ty Cổ phần Ylang Holdings.
- Số tiền vay gốc: 30.000.000.000 VNĐ
- Thời hạn vay: 02 năm
- Lãi suất: 8,4%/năm
- Ngày 14/09/2023, CTCP Rau quả thực phẩm An Giang đã thực hiện tất toán toàn bộ nợ vay cho Công ty Cổ phần Ylang Holdings
- Tính đến 31/12/2023, dư nợ vay đối với hợp đồng này là 0 VNĐ.

❖ **Tình hình thanh toán các khoản nợ:**

Công ty đã thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn toàn bộ các khoản gốc và lãi các khoản nợ vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức tín dụng theo đúng quy định tại hợp đồng, không phát sinh tình trạng quá hạn hay vi phạm các điều khoản cam kết.

Công ty và công ty con không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng và các cam kết có liên quan.

❖ **Khả năng trả nợ vay:**

Tại thời điểm ngày 31/12/2024 và 30/09/2025, tổng dư nợ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty (hợp nhất) lần lượt đạt 546.261 triệu đồng và 694.381 triệu đồng, tương ứng chiếm 59,27% và 69,35% tổng nợ phải trả của Công ty. Việc tỷ trọng nợ vay ngắn hạn ở mức tương đối cao phản ánh đặc thù hoạt động của doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu nông sản, trong đó nhu cầu vốn lưu động phục vụ thu mua nguyên liệu theo mùa vụ, dự trữ hàng tồn kho và tài trợ các đơn hàng xuất khẩu lớn thường gia tăng vào các giai đoạn cao điểm sản xuất.

Tuy nhiên, một phần dư nợ vay ngắn hạn của Công ty đã được đảm bảo 100% bằng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn có tính thanh khoản cao (*trình bày tại thuyết minh số 5 của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán*), gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng Viettinbank.

Cụ thể, tại ngày 31/12/2024, giá trị các khoản đầu tư tài chính của Công ty (hợp nhất) đạt 147.527 triệu đồng (*trong đó tiền gửi có kỳ hạn là 143.527 triệu đồng*), và đến ngày 30/09/2025 tăng lên

266.000 triệu đồng (*trong đó tiền gửi có kỳ hạn là 262.000 triệu đồng*), toàn bộ các khoản này được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại (*trình bày tại thuyết minh số 5 của Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 kiểm toán*). Đối với các khoản đầu tư tài chính này, Công ty đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp, có thể được chuyển đổi thành tiền trong thời gian ngắn để thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.

Trên cơ sở đó, nếu loại trừ số dư nợ vay ngắn hạn được bảo đảm bằng các khoản đầu tư tài chính nêu trên, số dư nợ vay còn lại (được đảm bảo bằng các tài sản khác) của Công ty (hợp nhất) tại ngày 31/12/2024 là 398.734 triệu đồng, tương đương 43,26% tổng nợ phải trả, 28,38% doanh thu thuần năm 2024, và tại ngày 30/09/2025 là 428.381 triệu đồng, tương đương 42,78% tổng nợ phải trả và 29,53% doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2025. Mức dư nợ này được đánh giá là phù hợp với quy mô hoạt động và khả năng tạo dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty có dòng tiền thu từ hoạt động bán hàng xuất khẩu ổn định và đều đặn, với doanh số tiền về bình quân khoảng 4,3 triệu USD/tháng, tương đương khoảng 100 tỷ đồng/tháng. Quy mô dòng tiền này đủ để đáp ứng nghĩa vụ thanh toán nợ vay ngắn hạn, chi phí lãi vay và nhu cầu vốn lưu động thường xuyên của Công ty.

Trên cơ sở phân tích nêu trên, khả năng trả nợ của Công ty vẫn được đảm bảo nhờ (i) cơ cấu dư nợ có tài sản bảo đảm thanh khoản cao, (ii) tỷ lệ dư nợ thực tế so với doanh thu ở mức hợp lý, và (iii) dòng tiền thu ổn định, bền vững từ hoạt động xuất khẩu.

Qua lịch sử giao dịch của ANTESCO tại các tổ chức tín dụng, Công ty luôn thanh toán đúng hạn gốc lãi, không phát sinh các khoản nợ cần chú ý thể hiện khả năng trả nợ cũng như uy tín của Công ty.

2.1.7. Các khoản phải nộp theo luật định

Trong năm 2024 và năm 2025, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang và các chi nhánh đã nhận 03 quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, cụ thể:

- Ngày 09/01/2024, Cục Thuế tỉnh An Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty số tiền là 6.500.000 đồng đối với hành vi khai sai và khai không đầy đủ các chỉ tiêu trong hồ sơ thuế.
- Ngày 04/11/2024, Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Chi nhánh của Công ty (Trung tâm Phân phối – Cửa hàng bán lẻ) số tiền 11.500.000 đồng do nộp hồ sơ khai thuế GTGT kỳ Quý 3/2023 quá thời hạn quy định từ 61 đến 90 ngày.
- Ngày 28/02/2025, Chi cục Thuế khu vực Châu Đốc – Châu Phú ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với Công ty số tiền là 11.500.000 đồng do chậm nộp hồ sơ khai thuế Mẫu 02/TK-SDDPNN của các kỳ từ năm 2014 đến 2025 (trên 90 ngày).

Công ty đã nghiêm túc chấp hành các quyết định trên và hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp phạt theo quy định của pháp luật. Tới thời điểm lập bản cáo bạch này, Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang tuân thủ và thực hiện đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ phải nộp theo luật định.

Bảng 39: Tình hình các khoản phải nộp của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.185	14.398	14.543	3.185	14.398	14.543
Thuế thu nhập cá nhân	283	631	64	332	638	74
Thuế khác	47	19	53	72	19	53
Tổng cộng	3.515	15.048	14.659	3.589	15.055	14.669

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của ANTESCO)

2.1.8. Trích lập các quỹ

Việc trích lập các quỹ được thực hiện theo đúng quy định pháp luật. Hàng năm, Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 40: Số dư các quỹ của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26	26	428	26	26	428
Quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán, BCTC riêng và hợp nhất Quý 3/2025 tự lập của ANTESCO)

2.1.9. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất, trường hợp không có cần nêu rõ

Kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2024), không có bất cứ biến động lớn nào có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 41: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Riêng			Hợp nhất		
		31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán							
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (<i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>)	Lần	1,01	1,09	1,21	0,97	1,03	1,13
Hệ số thanh toán nhanh: [(<i>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</i>)/ <i>Nợ ngắn hạn</i>]	Lần	0,50	0,67	0,94	0,52	0,59	0,86
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn							
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,63	0,69	0,65	0,71	0,75	0,71
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,67	2,24	1,88	2,45	3,05	2,48
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động							
- Vòng quay tổng tài sản: (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>)	Lần	1,38	1,64	1,36	1,27	1,40	1,10
- Vòng quay vốn lưu động: (<i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>)	Lần	2,85	2,72	1,98	2,82	2,52	1,71
- Vòng quay hàng tồn kho: (<i>Giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân</i>)	Lần	4,28	4,79	5,06	4,61	4,33	3,92
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời							
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): (<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>)	%	3,04%	6,02%	6,62%	1,33%	5,25%	6,91%

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Riêng			Hợp nhất		
		31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025	31/12/2023	31/12/2024	30/09/2025
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	4,19%	9,87%	8,99%	1,69%	7,33%	7,63%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (*): (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	11,86%	29,59%	27,29%	8,12%	30,35%	29,54%
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng				1.105	3.975	4.712

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2023 và năm 2024 đã được kiểm toán của ANTESCO)

Ghi chú: (*) Đối với ROE tính theo Báo cáo tài chính hợp nhất, lợi nhuận sau thuế là lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán: Không có.

Khả năng thanh toán

Các hệ số thanh toán của Công ty trong năm 2024 cho thấy sự cải thiện về khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn hợp nhất đã tăng từ 0,97 lần (năm 2023) lên 1,03 lần (2024) và đạt 1,13 lần vào cuối Quý 3/2025. Tương tự, hệ số thanh toán nhanh hợp nhất cũng tăng từ 0,52 lần (2023) lên 0,59 lần (2024) và đạt mức 0,86 lần vào cuối Quý 3/2025. Sự cải thiện này cho thấy tốc độ gia tăng tài sản ngắn hạn đang cao hơn tốc độ tăng của nợ ngắn hạn, giúp củng cố an toàn tài chính cho Công ty. Dù hệ số thanh toán nhanh vẫn ở mức tương đối thấp do đặc thù ngành sản xuất có tỷ trọng hàng tồn kho cao, xu hướng tăng vẫn là một tín hiệu tích cực.

Về năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản (hợp nhất) tăng từ 1,27 lần (năm 2023) lên 1,40 lần (năm 2024), cho thấy Công ty đang sử dụng tài sản hiệu quả hơn để tạo ra doanh thu. Vòng quay vốn lưu động (hợp nhất) giảm từ 2,82 lần (năm 2023) xuống 2,52 lần (năm 2024), và Vòng quay hàng tồn kho (hợp nhất) cũng giảm từ 4,61 lần (năm 2023) xuống 4,33 lần (năm 2024). Sự sụt giảm này là bởi chiến lược mở rộng của Công ty. Việc gia tăng tích trữ hàng tồn kho để chuẩn bị cho các đơn hàng lớn và khả năng gia tăng các khoản phải thu khi mở rộng thị trường đã làm quy mô vốn lưu động tăng lên, dẫn đến vòng quay tạm thời chậm lại.

Cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn năm 2024 thể hiện rõ chiến lược sử dụng đòn bẩy tài chính để mở rộng hoạt động. Hệ số Nợ/Tổng tài sản (hợp nhất) tăng từ 0,71 lần (năm 2023) lên 0,75 lần (năm 2024), và đặc biệt hệ

số Nợ/Vốn chủ sở hữu (hợp nhất) tăng mạnh từ 2,45 lần (năm 2023) lên 3,05 lần (năm 2024). Chính tháng đầu năm 2025, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (hợp nhất) giảm xuống còn 2,48 lần, xấp xỉ mức của năm 2023; hệ số Nợ/Tổng tài sản hợp nhất cũng giảm nhẹ từ 0,75 lần (năm 2024) xuống còn 0,71 lần.

Điều này cho thấy Công ty đã tích cực huy động thêm vốn nợ để tài trợ cho các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh, trong đó chủ yếu là vay nợ ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động. Việc gia tăng vay nợ phản ánh mục tiêu tăng trưởng quy mô, tuy nhiên cũng đi kèm với rủi ro tài chính cao hơn. Để kiểm soát rủi ro tài chính, Công ty có kế hoạch thực hiện đồng bộ các giải pháp gồm:

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu và hàng tồn kho để rút ngắn chu kỳ chuyển đổi tiền mặt, đảm bảo khả năng thanh toán lãi vay và nợ gốc đúng hạn.
- Duy trì cơ cấu hợp lý giữa nợ ngắn hạn và dài hạn để tránh áp lực trả nợ dồn tích tại một thời điểm. Đối với các khoản vay phát sinh mới, đàm phán kéo dài kỳ hạn, tăng thời gian ân hạn để giảm áp lực dòng tiền.
- Cùng với các biện pháp quản trị dòng tiền và cơ cấu lại nợ vay, Công ty cũng có kế hoạch huy động vốn từ cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư chiến lược nhằm tăng cường vốn chủ sở hữu. Việc bổ sung nguồn vốn này sẽ giúp cải thiện hệ số an toàn tài chính, hỗ trợ triển khai các dự án mở rộng và đảm bảo năng lực tăng trưởng bền vững trong giai đoạn tới. Từ đầu năm 2025 đến nay, Công ty đã hoàn thành 03 đợt phát hành: phát hành 3.999.835 cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành 240.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) và phát hành thêm 3.500.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Nhờ đó, vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 183.998.230.000 đồng (tại 31/12/2024) lên 240.037.080.000 đồng (tại 12/11/2025).

Về khả năng sinh lời

Năm 2024 là một năm bứt phá về khả năng sinh lời của Công ty. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu hợp nhất (ROS) tăng mạnh từ 1,33% (năm 2023) lên 5,25% (năm 2024) và đạt mức 6,91% trong 9 tháng đầu năm 2025. Điều này khẳng định hiệu quả trong công tác quản lý chi phí và nâng cao biên lợi nhuận. Tương ứng, các chỉ số quan trọng như ROA hợp nhất (tỷ suất sinh lời trên tài sản) và ROE hợp nhất (tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu) năm 2024 đều tăng trưởng mạnh, lần lượt đạt 7,33% (năm 2023 là 1,69%) và 30,35% (năm 2023 là 8,12%). Mức tăng trưởng ROE ấn tượng này là kết quả cộng hưởng từ hiệu quả kinh doanh cốt lõi gia tăng và việc sử dụng đòn bẩy tài chính cao. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) cũng tăng mạnh từ 1.105 đồng/cổ phiếu (năm 2023) lên 3.975 đồng/cổ phiếu (năm 2024).

3. Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức đăng ký niêm yết

Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán:

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2023 (Theo Báo cáo kiểm toán số 0675/VN1A-HN-BC ngày 25/03/2024): “*Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn*

mức kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”.

- Ý kiến kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 (Theo Báo cáo kiểm toán số 0676/VN1A-HN-BC ngày 25/03/2024): “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán:

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2024 (Theo Báo cáo kiểm toán số 0710/VN1A-HN-BC ngày 21/03/2025): “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”.

Ý kiến kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 (Theo Báo cáo kiểm toán số 0711/VN1A-HN-BC ngày 21/03/2025): “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét:

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2025 (Theo Báo cáo kiểm toán số 0318/VN1A-HN-BC ngày 29/08/2025): “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.”.
- Ý kiến kiểm toán viên đối với Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2025 (Theo Báo cáo kiểm toán số 0319/VN1A-HN-BC ngày 29/08/2025): “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng

yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 42: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	
		Kế hoạch (*)	% tăng giảm so với năm 2024
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.550	10,33%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	85	(2,97)%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	68	(7,73)%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,39%	(0,86)%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,23%	(8,58)%
Cổ tức	%	-	-

(Nguồn: ANTESCO)

Ghi chú: (*) Các chỉ tiêu Doanh thu thuần, lợi nhuận trước thuế là các chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua, các chỉ tiêu còn lại là do Công ty ước tính. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, ĐHĐCĐ không quyết định chỉ tiêu cổ tức năm 2025, giao HĐQT trình tỷ lệ cổ tức năm 2025 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên

ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Công ty đã thông qua Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2025 của Công ty tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2025, cụ thể thông qua Doanh thu và lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2025. ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 cũng thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025, trong đó không thông qua tỷ lệ phân phối cụ thể mà giao HĐQT căn cứ hiệu quả thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 để điều chỉnh thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 vào kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026.

4.3. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025 được Công ty xây dựng trên cơ sở đánh giá tình hình thị trường, cơ hội và các thách thức.

• **Về kinh tế:**

- Căng thẳng địa chính trị tiếp tục diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến kinh tế thế giới.
- Kinh tế Việt Nam được dự báo đang trở lại đà tăng trưởng và sẽ đạt mức tăng trưởng trên 8% trong năm 2025.

• **Về xuất khẩu:**

➤ **Thuận lợi:**

- Công ty có nhiều kinh nghiệm trong ngành chế biến rau củ quả xuất khẩu, đã khẳng định vị thế thương hiệu và uy tín trên thị trường xuất khẩu quốc tế. Công ty đã khẳng định thương hiệu trên thị trường 50 năm và đang trên đà phát triển bền vững, hướng tới là Công ty hàng đầu trong lĩnh vực chế biến tại Việt Nam
- Công ty đã có 04 Nhà máy chế biến rau củ quả (Đông lạnh và đóng hộp) với đầy đủ tiêu chuẩn quốc tế trong ngành chế biến thực phẩm như: ISO 22000; BRC FOODS; GLOBAL GAP; KOSHER; HALAL; FDA; SEDEX đáp ứng tiêu chuẩn của các thị trường có giá trị cao nhất thế giới: Mỹ, EU....
- Hệ thống chất lượng đã dần đi vào ổn định. Có vùng nguyên liệu ổn định có thể cung ứng nguyên liệu quanh năm và được quản lý tốt từ khâu gieo trồng đến khi thu hoạch mang sản phẩm đến nhà máy.
- Sản xuất & giao hàng nhanh cho khách hàng ngày càng được cải thiện.
- Hiệp định thương mại tự do EVFTA và Các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương đã được ký kết là cơ hội để các doanh nghiệp rau quả Việt Nam đẩy mạnh và mở rộng thị trường xuất khẩu. Trong những năm gần đây, Việt Nam đã tham gia ký kết nhiều Hiệp định thương mại với các tổ chức quốc tế và các quốc gia trên thế giới như: Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam – Nhật Bản, Việt Nam – Hàn Quốc, Việt Nam – Liên minh Á Âu, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Châu Âu (EVFTA) và gần đây nhất là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) cũng như Việt Nam đã tham gia vào cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC)... nên việc nhập khẩu và xuất khẩu rau quả của Việt Nam có rất nhiều lợi thế cạnh tranh và Việt Nam đang được các nhà đầu tư xem là trung tâm chế biến xuất khẩu rau quả của thế giới
- ANTESCO nằm ở khu vực gần trung tâm vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cũng là trung tâm của vùng rau củ quả của Việt Nam với sản lượng rau quả chiếm 70% tỷ trọng của cả nước. Trong những năm gần đây chính phủ Việt Nam đang định hướng phát triển ngành chế biến rau quả, định hướng cho người nông dân chuyển sang trồng rau quả thay vì đang trồng lúa, mía đường nên diện tích trồng rau quả đang tăng rất nhanh nhất là khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Tỉnh An Giang là một trong những tỉnh có diện tích trồng lúa lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long nên định hướng của tỉnh cũng muốn người nông dân chuyển sang trồng rau quả và có những chính sách hỗ trợ rất lớn cho ngành chế biến rau quả.

➤ **Khó khăn:**

- Nguồn cung ứng Xoài từ thị trường Nam Mỹ đang trên đà phục hồi ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch kinh doanh mặt hàng này của Công ty trong năm 2025.

- Tình hình chiến tranh, biến đổi khí hậu và lạm phát tiếp tục ảnh hưởng đến Logistics làm giá cước vận chuyển cao, chi phí nguyên vật liệu tăng, rủi ro thị trường tiêu thụ.
- Rào cản kỹ thuật và quy định tiêu chuẩn chất lượng và dư lượng thuốc bảo vệ thực vật của thị trường xuất khẩu ngày càng khắt khe.
- Cạnh tranh mua/bán diễn ra ngày càng gay gắt thị trường trong và ngoài nước.
- Xâm nhập ngành hàng đang diễn ra với tốc độ nhanh, các nhà đầu tư mới chuyển đổi ngành nghề sang nông sản chế biến luôn buộc ANTESCO ở trạng thái cạnh tranh khốc liệt.

• **Về thị trường nội địa:**

- Sự thay đổi thói quen của người tiêu dùng ngày càng cao như sản phẩm tiện lợi, chất lượng và giá cả phù hợp ảnh hưởng sức mua.
- Ảnh hưởng biến đổi khí hậu, mùa nước nổi hầu như không còn, lượng nguyên liệu cá, mắm cho sản xuất hạn chế, chi phí đầu vào tăng cao.

Dựa trên những nhận định và đánh giá về thị trường trong năm 2025, Công ty đã xác định các định hướng trọng tâm nhằm thực hiện thành công kế hoạch đề ra như sau:

- Tăng cường tham dự các Hội chợ quốc tế, đẩy mạnh phát triển thị trường, khách hàng, đặc biệt là thị trường Châu Á.
- Tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực: Đối với thị trường xuất khẩu là xoài, thanh long, chanh dây, bắp non, đậu nành rau, sả,... đối với thị trường nội địa là Cá linh kho mía, Mắm Cá linh, thốt nốt, nhãn, ...
- Chú trọng công tác R&D nhằm phát triển các sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã, bao bì và phát triển các sản phẩm giá trị gia tăng từ việc tận dụng các phụ phẩm.
- Tiếp tục định biên, điều chỉnh nhân sự phù hợp mô hình sản xuất mới.
- Tiếp tục phát huy thế mạnh của từng nhà máy để gia tăng công suất sản xuất, tăng sản lượng.
- Đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu các sản phẩm chính của Công ty đảm bảo ổn định số lượng và chất lượng đáp ứng khả năng sản xuất và nhu cầu thị trường.
- Tiếp tục cải tiến quy trình sản xuất, ứng dụng máy móc thiết bị vào quy trình sản xuất.
- Công tác đào tạo và bồi dưỡng nhân lực trẻ đã gắn bó với Công ty, làm nền tảng xây dựng lực lượng kế thừa.

Tính đến 30/09/2025, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 của ANTESCO rất khả quan, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2025	Kế hoạch năm 2025	% so với kế hoạch năm 2025
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.451	1.550	93,6%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	114	85	134,0%

(Nguồn: ANTESCO)

4.4. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trong vai trò đơn vị tư vấn, MBS đã tiến hành thu thập dữ liệu, nghiên cứu và phân tích tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang, cũng như các lĩnh vực kinh doanh mà doanh nghiệp hiện tham gia.

Qua quá trình đánh giá, chúng tôi nhận thấy Công ty sở hữu đội ngũ cán bộ, nhân viên có kinh nghiệm, cùng Ban lãnh đạo có năng lực và tâm huyết trong điều hành. Theo quan điểm của đơn vị tư vấn, kế hoạch kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các yếu tố vĩ mô trong và ngoài nước. Tuy vậy, mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận do Công ty đề ra được đánh giá là khả thi, với điều kiện các giả định và dự báo thị trường của Ban lãnh đạo phù hợp với thực tiễn, đồng thời không phát sinh biến động lớn tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất – kinh doanh và các định hướng dài hạn của doanh nghiệp.

Cần lưu ý rằng, các nhận định trên được đưa ra trên cơ sở phân tích của đơn vị tư vấn, dựa vào thông tin do Công ty cung cấp kết hợp với nguồn dữ liệu được chọn lọc, cùng với các phương pháp lý thuyết trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. Vì vậy, những ý kiến này không mang tính cam kết về giá trị chứng khoán hay sự chắc chắn của các con số dự báo. Đây chỉ là nguồn tham khảo hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình đưa ra quyết định.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông sáng lập dự định chuyển nhượng cổ phần phổ thông thì không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó.”

Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600230014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2011, đến nay đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập. Do vậy, Bản cáo bạch này không đề cập đến thông tin của cổ đông sáng lập.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Danh sách cổ đông lớn

Bảng 43: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Tên cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty Cổ phần Ylang Holdings	8.559.999	35,66%
2	Công ty TNHH Soybean	3.782.350	15,76%

STT	Tên cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
3	Công ty TNHH Passion Fruit	1.608.827	6,70%
	Tổng cộng	13.951.176	58,12%

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSDC lập ngày 20/11/2025)

2.1. Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

2.1.1. Công ty Cổ phần Ylang Holdings

- Tên cổ đông: Công ty Cổ phần Ylang Holdings
- Năm thành lập: 2021
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0316806928 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/04/2021, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 13/08/2025
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: Unit 23-05, UOA Tower, Số 6 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 140.000.000.000 VND
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hải Linh, chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Ông Lê Hải Linh, chức vụ: Tổng Giám Đốc
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ đến hiện tại:

STT	Tên	Mối quan hệ với cổ đông lớn	SLCP nắm giữ/SLCP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
I	CTCP Ylang Holdings		8.559.999	35,66%
II	Người có liên quan của CTCP Ylang Holdings			
1	Công ty TNHH Soybean	Công ty con	3.782.350	15,76%
2	Công ty TNHH Passion Fruit	Công ty con	1.608.827	6,70%
3	Đình Hùng Dũng	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	25.520	0,11%

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty Cổ phần Ylang Holdings là cổ đông lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết nên được hưởng tất cả các lợi ích mà cổ đông được hưởng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, ngoài ra thì không được hưởng bất kỳ lợi ích nào khác từ Tổ chức đăng ký niêm yết.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

2.1.2. Công ty TNHH Soybean

- Tên cổ đông: Công ty TNHH Soybean
- Năm thành lập: 12/04/2021
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0316800450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 12/04/2021, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 04/11/2025
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: L17-11, Tầng 17, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Anh Tuấn, chức vụ: Giám Đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Ông Bùi Anh Tuấn, chức vụ: Giám Đốc
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ đến hiện tại:

STT	Tên	Mối quan hệ với cổ đông lớn	SLCP nắm giữ/SLCP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu
I	Công ty TNHH Soybean		3.782.350	15,76%
II	Người có liên quan của Công ty TNHH Soybean			
1	Bùi Anh Tuấn	Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật	13.090	0,05%

2	CTCP Ylang Holdings	Công ty mẹ	8.559.999	35,66%
---	---------------------	------------	-----------	--------

- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức đăng ký niêm yết và những người có liên quan của họ: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty TNHH Soybean là cổ đông lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết nên được hưởng tất cả các lợi ích mà cổ đông được hưởng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, ngoài ra thì không được hưởng bất kỳ lợi ích nào khác từ Tổ chức đăng ký niêm yết.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

2.1.3. Công ty TNHH Passion Fruit

- Tên cổ đông: Công ty TNHH Passion Fruit
- Năm thành lập: 09/04/2021
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0316795842 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/04/2021, cấp đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 19/01/2022
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ trụ sở chính: L17-11, Tầng 17, Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ứng Ngọc Tuấn, chức vụ: Giám Đốc
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức đăng ký niêm yết: Ông Ứng Ngọc Tuấn, chức vụ: Giám Đốc
- Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ đến hiện tại:

STT	Tên	Mối quan hệ với cổ đông lớn	SLCP nắm giữ/SLCP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Công ty TNHH Passion Fruit		1.608.827	6,70%
II	Người có liên quan của Công ty TNHH Passion Fruit			
1	CTCP Ylang Holdings	Công ty mẹ	8.559.999	35,66%

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty TNHH Passion Fruit là cổ đông lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết nên được hưởng tất cả các lợi ích mà cổ đông được hưởng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ Công ty, ngoài ra thì không được hưởng bất kỳ lợi ích nào khác từ Tổ chức đăng ký niêm yết.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Bảng 44: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty

STT	Họ tên	Chức vụ
<u>Hội đồng quản trị</u>		
1	Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Chủ tịch HĐQT (không điều hành)
2	Ông Đinh Hùng Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT (không điều hành)
3	Ông Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên HĐQT (điều hành)
4	Ông Lê Hải Linh	Thành viên HĐQT (không điều hành)
5	Ông Nguyễn Phước Hiếu	Thành viên HĐQT độc lập
<u>Ban kiểm soát</u>		
1	Ông Bùi Ngọc Duy	Trưởng BKS
2	Ông Trần Văn Hợp	Thành viên BKS
3	Ông Phạm Thanh Quang	Thành viên BKS
<u>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</u>		
1	Ông Nguyễn Hoàng Minh	Tổng Giám đốc
2	Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Bùi Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Đặng Hoàng Lục Uyên	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Trần Thụy Tố Trinh	Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

3.1.1. Ông Nguyễn Ngọc Bảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **NGUYỄN NGỌC BẢO**
- Năm sinh: 1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Sau Đại học
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế (Đại học Kinh tế tại Học viện Ngân hàng)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
1983	Tốt nghiệp Đại học Kinh tế, vào làm việc ở hệ thống Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2005	Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2011	Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank)
2014	Phó trưởng Ban Kinh Tế Trung ương
09/2017 – 2023	Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
10/2019 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản lý Viện kinh tế xanh
10/2023 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ylang Agri
11/2023 – 07/2025	Chủ tịch HĐQT CTCP Ylang Holdings
08/2025 – nay	Thành viên HĐQT CTCP Ylang Holdings
17/04/2024 – 04/2025	Thành viên HĐQT CTCP Rau quả thực phẩm An Giang
04/2025 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Rau quả thực phẩm An Giang

- Chức vụ đang công tác tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT CTCP Ylang Holdings
 - Chủ tịch Hội đồng quản lý Viện kinh tế xanh
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Ylang Agri
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: CTCP Ylang Holdings là tổ chức có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Bảo (Ông Nguyễn Ngọc Bảo là Thành viên HĐQT của CTCP Ylang Holdings) đồng thời là cổ đông lớn của CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang, thông tin đã được nêu tại mục 2.1 phần VI của Bản cáo bạch.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Nguyễn Ngọc Bảo và những người có liên quan của Ông Nguyễn Ngọc Bảo: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	-	33.846.154	75.323.077
Cổ phiếu ESOP	-	-	-

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.1.2. Ông Đinh Hùng Dũng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **ĐINH HÙNG DŨNG**
- Năm sinh: 1967
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Sau Đại học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Triết học (trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
1991 – 2003	Thỉnh giảng tại các trường Cao đẳng và Đại học tại Tp. Hồ Chí Minh

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CTCP RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG



2003 – 2010	Giảng viên tại Trường Đại học Công nghệ Thực phẩm & Đại học Khoa học Tự nhiên TP.HCM
2005 – 2015	Phó Giám đốc CTCP Thương mại – Sản xuất – Dịch vụ Gia Thịnh Phát
2015 – 2021	Phó Tổng Giám đốc CTCP Lavifood & Giám đốc CTCP Tanifood
08/2019 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lavi Ilmi
2021 – nay	Cố vấn cấp cao, thành viên HĐQT CTCP Ylang Holdings
10/2023 - nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ylang Group
04/2022 – 04/2023	Thành viên HĐQT CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
05/2023 – 04/2025	Chủ tịch HĐQT CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
04/2025 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
8/2025 – nay	Phó Tổng Giám đốc của CTCP Ylang Holdings

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc của CTCP Ylang Holdings
 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lavi Ilmi
 - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ylang Group
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 25.520 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: CTCP Ylang Holdings là tổ chức có liên quan của Ông Đinh Hùng Dũng (Ông Đinh Hùng Dũng là Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc của CTCP Ylang Holdings) đồng thời là cổ đông lớn của CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang, thông tin đã được nêu tại mục 2.1 phần VI của Bản cáo bạch.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Đinh Hùng Dũng và những người có liên quan của Ông Đinh Hùng Dũng: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	55.500.000	60.000.000	66.738.462
Cổ phiếu ESOP	-	-	23.200

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.1.3. Ông Nguyễn Hoàng Minh – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **NGUYỄN HOÀNG MINH**
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Sau Đại học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Công nghệ thông tin (Học viện Innotech, Pháp)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
2000 – 2007	Giảng viên Đại học Văn Lang
2007 – 2011	Giám đốc điều hành Công ty IeSVN
2012 – 2018	Giám đốc CTCP Thương mại – Sản xuất – Dịch vụ Gia Thịnh Phát
2014 – 2018	Phó Tổng Giám đốc CTCP Lavifood
12/2021 – 03/2022	Phó Tổng Giám đốc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
03/2022 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
07/2023 – nay	Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH B'Laofood

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH

B'Laofood.

- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 628.983 cổ phiếu, chiếm 2,62% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Nguyễn Hoàng Minh và những người có liên quan của Ông Nguyễn Hoàng Minh: Công ty TNHH B'laofood là công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, đồng thời là tổ chức có liên quan của ông Nguyễn Hoàng Minh (ông Nguyễn Hoàng Minh là Chủ tịch Hội đồng thành viên), Công ty có các hợp đồng cho Công ty TNHH B'laofood vay như sau:

Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Điều khoản quan trọng khác của Hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
Hợp đồng số 04/HĐV-RQTPAG ngày 24/11/2023 và phụ lục	50	Không có	HĐQT
Hợp đồng số 01.HĐV-RQTPAG ngày 30/08/2024 và phụ lục	30	Không có	HĐQT
Hợp đồng số 01.2025.HĐV-RQTPAG ngày 06/01/2025 và phụ lục	20	Không có	HĐQT

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	1.417.945.921	1.755.643.328	1.503.480.269
Cổ phiếu ESOP	-	-	23.400

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết:

Tên doanh nghiệp (DN)	Hoạt động chính	Phân khúc khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ của thành viên và người có liên quan của họ với DN
Công ty TNHH B'laofood	Sản xuất và chế biến nông sản, rau, củ, quả, trái cây	Trong nước và xuất khẩu	Việt Nam	Sản phẩm đông lạnh IQF	Cá nhân góp: 9 tỷ đồng, chiếm 10% VDL. Người liên quan: ANTESCO góp 58,5 tỷ đồng, chiếm 65%. Ông Nguyễn Hoàng Minh giữ chức Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Công ty thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật có liên quan và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

3.1.4. Ông Lê Hải Linh – Thành viên Hội đồng quản trị

- Họ và tên: **LÊ HẢI LINH**
- Năm sinh: **1988**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Địa chỉ thường trú: **Số 02 Nguyễn Biểu, phường Ba Đình, thành phố Hà Nội**
- Trình độ học vấn: **Sau Đại học**
- Trình độ chuyên môn: **Tiến sĩ Tài chính – chuyên ngành Quản lý Tài sản (Asset Management) (trường University of Nottingham, Nottingham, UK)**
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
06/2014 – 06/2016	Quản lý Rủi Ro Tín Dụng, Ngân hàng Barclays, Anh Quốc (UK)
08/2016 – 06/2018	Trưởng Phòng Tư Vấn Giao Dịch Tài Chính và Tư Vấn Chiến Lược, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
08/2018 – 02/2025	Giám đốc Công ty TNHH Thuần Phong Capital
08/2024 – 02/2025	Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Viet Challenge

08/2025 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ylang Holdings
04/2025 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ylang Holdings
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu (CTCP Ylang Holdings): 8.559.999 cổ phiếu, chiếm 35,66% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: CTCP Ylang Holdings là tổ chức có liên quan của Ông Lê Hải Linh (Ông Lê Hải Linh là Tổng Giám đốc của CTCP Ylang Holdings) đồng thời là cổ đông lớn của CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang, thông tin đã được nêu tại mục 2.1 phần VI của Bản cáo bạch.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Lê Hải Linh và những người có liên quan của Ông Lê Hải Linh: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	-	-	40.753.846
Cổ phiếu ESOP	-	-	-

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.1.5. Ông Nguyễn Phước Hiếu – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

- Họ và tên: NGUYỄN PHƯỚC HIẾU
- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ thường trú: 24 Đường 50, Khu phố 12, Phường Long Trường, thành phố Hồ Chí Minh
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành cơ khí (trường Đại học Bách Khoa Thành phố Hồ Chí Minh)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
03/1998 – 11/1999	Kỹ thuật viên tại Công ty TNHH Mabuchi Motor Vietnam
12/1999 – 05/2003	Kỹ sư trưởng tại Công ty TNHH Nissei Electric Việt Nam, chịu trách nhiệm kỹ thuật và điều phối hoạt động sản xuất kỹ thuật
05/2003 – 08/2008	Phó Giám đốc tại Công ty TNHH Kỹ thuật Thành Nghĩa, phụ trách vai trò quản lý điều hành
09/2008 – 07/2017	Quản lý cấp cao tại Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia
08/2017 – nay	Phó Tổng Giám Đốc tại Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia
11/2025 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu : 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Nguyễn Phước Hiếu và những người có liên quan của Ông Nguyễn Phước Hiếu: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	-	-	-
Cổ phiếu ESOP	-	-	-

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.2. Ban kiểm soát

3.2.1. Ông Bùi Ngọc Duy – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **BÙI NGỌC DUY**
- Năm sinh: 1988
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Sau đại học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán – Kiểm toán (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
09/2010 – 06/2012	Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
07/2012 – 06/2017	Trưởng nhóm kiểm toán, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
07/2017 – 03/2020	Trưởng phòng kiểm toán, Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
07/2020 – 11/2021	Phó Tổng Giám đốc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
03/2020 – 04/2025	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
06/2023 – nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH Đầu tư Ylang
04/2025 – nay	Trưởng Ban kiểm soát CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

- Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Trưởng Ban kiểm soát Công ty TNHH Đầu tư Ylang
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 10.450 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của thành viên Trưởng Ban kiểm soát đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Bùi Ngọc Duy và những người có liên quan của Ông Bùi Ngọc Duy: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	48.000.000	48.000.000	63.138.461
Cổ phiếu ESOP	-	-	9.500

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.2.2. Ông Trần Văn Hợp – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **TRẦN VĂN HỢP**
- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán (Trường Đại học Bình Dương)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
04/1994 – 12/1997	Công nhân Nhà máy Bình Khánh – Trực thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CTCP RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG



	Nông nghiệp An Giang
01/1998 – 12/1999	Thủ kho Vật tư – Nguyên liệu Nhà máy Bình Khánh – Trục thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
01/2000 – 05/2011	Nhân viên Kế toán Nguyên vật liệu Nhà máy Bình Khánh – Trục thuộc Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
06/2011 – 06/2016	Nhân viên kế toán Kho và Tài sản cố định Phòng Kế toán – CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
07/2016 – 02/2018	Trưởng nhóm Nghiệp vụ Kho và Tài sản cố định Phòng Kế toán – CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
03/2018 – 05/2019	Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ Nhà máy Bình Long – Trục thuộc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
06/2019 – 05/2020	Trưởng Ban Điều hành Sản xuất Nhà máy Bình Long – Trục thuộc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
06/2020 – 12/2020	Trưởng bộ phận sản xuất Nhà máy Bình Khánh – Trục thuộc CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
01/2021 – 10/2021	Chuyên viên Phòng Dự án – Đầu tư CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
11/2021 – 12/2021	Chuyên viên Phòng Nhân sự CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
01/2022 đến nay	Trưởng nhóm Phòng Nhân sự CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang Thành viên Ban kiểm soát CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng nhóm Phòng Nhân sự
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 2.750 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Trần Văn Hợp và những người có liên quan của Ông Trần Văn

Hợp: Không có.

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	271.866.943	383.743.433	247.129.787
Cổ phiếu ESOP	-	-	2.500

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.2.3. Ông Phạm Thanh Quang – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **PHẠM THANH QUANG**
- Năm sinh: 1991
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ hóa thực phẩm (Trường Đại học Bách Khoa TP.Hồ Chí Minh)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
09/2014 – 04/2018	Chuyên viên R&D Công ty TNHH TM DV Tân Hiệp Phát
05/2018 – 04/2020	Chuyên viên R&D Công ty Cổ phần Lavi Holding
05/2020 – 02/2021	Chuyên viên lập kế hoạch dự án cấp cao Công ty Cổ phần Lavi Holding
02/2021 – nay	Chuyên viên dự án Công ty Cổ phần Ylang Holdings Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

- Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên dự án CTCP Ylang Holdings
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):

+ Đại diện sở hữu:

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

- + Cá nhân sở hữu: 7.370 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Kiểm soát viên đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Phạm Thanh Quang và những người có liên quan của Ông Phạm Thanh Quang: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	36.000.000	36.000.000	47.353.847
Cổ phiếu ESOP	-	-	6.700

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

3.3.1. Ông Nguyễn Hoàng Minh – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(Xem mục 3.1.3 Phần VI của Bản cáo bạch này).

3.3.2. Ông Nguyễn Huy Cường – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **NGUYỄN HUY CƯỜNG**
- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành Điện – Điện tử (Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
8/2002 – 2003	Nhân viên phòng Kỹ thuật cơ điện Nhà máy Mỹ An Công ty Dịch vụ Kỹ

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
CTCP RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG



	thuật Nông nghiệp An Giang
2003 – 10/2004	Trưởng ca phòng Kỹ thuật cơ điện Nhà máy Mỹ An Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
11/2004 – 01/2011	Trưởng phòng Kỹ thuật cơ điện Nhà máy Mỹ An – Nhà máy Bình Khánh Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
02/2011 – 05/2016	Phó Giám đốc Nhà máy Mỹ An - CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
06/2016 – 07/2016	Phó Giám đốc Nhà máy Bình Long - CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
08/2016 – 09/2019	Giám đốc Nhà máy Bình Long - CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
10/2019 – 04/2022	Giám đốc Nhà máy Mỹ An - CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
04/2022 – nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
01/2023 – nay	Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH B'Laofood

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty TNHH B'Laofood
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 13.090 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Nguyễn Huy Cường và những người có liên quan của Ông Nguyễn Huy Cường: Công ty TNHH B'laofood là công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết, đồng thời là tổ chức có liên quan của ông Nguyễn Huy Cường (ông Nguyễn Huy Cường là Thành viên Hội đồng thành viên), Công ty có các hợp đồng cho Công ty TNHH B'laofood vay như sau:

Loại giao dịch	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Điều khoản quan trọng khác của Hợp đồng	Cấp có thẩm quyền chấp thuận
----------------	-----------------------------	---	------------------------------

Hợp đồng số 04/HĐV-RQTPAG ngày 24/11/2023 và phụ lục	50	Không có	HDQT
Hợp đồng số 01.HĐV-RQTPAG ngày 30/08/2024 và phụ lục	30	Không có	HDQT
Hợp đồng số 01.2025.HĐV-RQTPAG ngày 06/01/2025 và phụ lục	20	Không có	HDQT

- Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	1.009.370.662	1.245.339.756	1.041.562.456
Cổ phiếu ESOP	-	-	11.900

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết:

Tên doanh nghiệp (DN)	Hoạt động chính	Phân khúc khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ của thành viên và người có liên quan của họ với DN
Công ty TNHH B'laofood	Sản xuất và chế biến nông sản, rau, củ, quả, trái cây	Trong nước và xuất khẩu	Việt Nam	Sản phẩm đông lạnh IQF	Cá nhân góp: 0 tỷ, chiếm 0% VĐL. Người liên quan: ANTESCO góp 58,5 tỷ, chiếm 65%. Ông Nguyễn Huy Cường giữ chức Thành viên Hội đồng thành viên.

Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Công ty thực hiện các phương án kiểm soát xung đột lợi ích theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật có liên quan và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

3.3.3. Ông Bùi Anh Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **BÙI ANH TUẤN**
- Năm sinh: 1990

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng (Trường Đại học Mở TP.Hồ Chí Minh)

- Quá trình công tác:

Năm	Công tác
10/2012 – 12/2012	Cán bộ tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)
12/2012 – 7/2015	Cán bộ tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LienVietPostBank)
7/2015 – 5/2019	Trưởng phòng tín dụng Phòng khách hàng doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Tiên Phong (TPBank)
5/2019 – 02/2021	Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Lavi Holding
3/2021 – 10/2022	Trợ lý Tổng Giám đốc CTCP Ylang Holdings
4/2021 – 9/2022	Thành viên Ban kiểm soát CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
4/2021 – nay	Giám Đốc Công ty TNHH Greenfood Việt Nam
4/2021 – nay	Giám đốc Công ty TNHH Soybean
9/2022 – nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính CTCP Rau quả thực phẩm An Giang

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Giám đốc Công ty TNHH Soybean
 - Giám đốc Công ty TNHH Greenfood Việt Nam
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu (Công ty TNHH Soybean): 3.782.350 cổ phiếu, chiếm 15,76% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 13.090 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Công ty TNHH Soybean là tổ chức có liên quan của ông Bùi

Anh Tuấn (Ông Bùi Anh Tuấn là Giám đốc của Công ty TNHH Soybean) đồng thời là cổ đông lớn của CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang, thông tin đã được nêu tại mục 2.1 phần VI của Bản cáo bạch.

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Ông Bùi Anh Tuấn và những người có liên quan của Ông Bùi Anh Tuấn: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	813.038.238	1.239.599.756	1.036.882.456
Cổ phiếu ESOP	-	-	11.900

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.3.4. Bà Đặng Hoàng Lục Uyên - Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Đặng Hoàng Lục Uyên
- Năm sinh: 1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương (Trường Đại học Cần Thơ)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
2003 - 06/2011	Nhân viên Kinh doanh tại Công ty Dịch vụ kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
06/2011 - 10/2013	Nhân viên Kinh doanh tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
11/2013 - 02/2019	Phó phòng Kinh doanh tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
03/2019 - 05/2023	Trưởng phòng Kinh doanh tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
06/2023 - 09/2024	Quyền Giám đốc Khối Kinh doanh quốc tế tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang

10/2024 - nay	Phó TGDĐ phụ trách kinh doanh tại CTCP Rau quả Thực phẩm An Giang
---------------	---

- Chức vụ công tác tại Công ty: Phó TGDĐ phụ trách kinh doanh
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 11.550 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Phó Tổng Giám đốc đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Bà Đặng Hoàng Lục Uyên và những người có liên quan của Bà Đặng Hoàng Lục Uyên: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	547.602.809	1.019.653.675	842.453.764
Cổ phiếu ESOP	-	-	10.500

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

3.3.5. Bà Trần Thụy Tố Trinh – Kế toán trưởng

- Họ và tên: **TRẦN THUY TỐ TRINH**
- Năm sinh: 1977
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán (Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh)

- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ – Nơi làm việc
1994 – 2004	Kế toán viên tại Nhà Máy Bình Khánh Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang
2004 – 06/2016	Kế toán viên Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp An Giang (sau đó cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang)
07/2016 – 05/2021	Phó phòng Kế toán Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang
06/2021 – 07/2022	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang
07/2022 – nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Rau quả Thực phẩm An Giang

- Chức vụ công tác tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ (tại ngày 20/11/2025):
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - + Cá nhân sở hữu: 13.090 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Thông tin về những người có liên quan của Kế toán trưởng đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức đăng ký niêm yết:
 - Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức đăng ký niêm yết với Bà Trần Thụy Tố Trinh và những người có liên quan của Bà Trần Thụy Tố Trinh: Không có.
 - Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng...):

	Năm 2023	Năm 2024	9 tháng đầu năm 2025
Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (VNĐ)	671.212.172	847.004.340	805.164.030
Cổ phiếu ESOP	-	-	11.900

- Các khoản nợ với Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.
- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức đăng ký niêm yết hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức đăng ký niêm yết: Không có.

VII. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Mã cổ phiếu

Mã cổ phiếu là ANT.

4. Tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết

24.003.708 cổ phiếu.

5. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức đăng ký niêm yết

Cam kết hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu khi Công ty đăng ký niêm yết:

Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 109 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020: “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên), Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm và cổ đông lớn là người có liên quan của các đối tượng trên phải cam kết tiếp tục nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

Theo quy định trên, danh sách người nội bộ và cổ đông lớn của Công ty thực hiện cam kết nắm giữ cổ phiếu gồm:

STT	Họ tên	Chức vụ tại Tổ chức đăng ký niêm yết	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	SLCP cam kết nắm giữ 100% trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu	SLCP cam kết nắm giữ 50% trong vòng 06 tháng tiếp theo
1	Nguyễn Ngọc Bảo	Chủ tịch HĐQT	0	0%	0	0
2	Đinh Hùng Dũng	Phó Chủ tịch HĐQT	25.520	0,11%	25.520	12.760
3	Nguyễn Hoàng Minh	Thành viên HĐQT, TGĐ	628.983	2,62%	628.983	314.492

STT	Họ tên	Chức vụ tại Tổ chức đăng ký niêm yết	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	SLCP cam kết nắm giữ 100% trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu	SLCP cam kết nắm giữ 50% trong vòng 06 tháng tiếp theo
4	Lê Hải Linh	Thành viên HĐQT	0	0%	0	0
5	Nguyễn Phước Hiếu	Thành viên HĐQT độc lập	0	0%	0	0
6	Bùi Ngọc Duy	Trưởng BKS	10.450	0,04%	10.450	5.225
7	Trần Văn Hợp	Thành viên BKS	2.750	0,01%	2.750	1.375
8	Phạm Thanh Quang	Thành viên BKS	7.370	0,03%	7.370	3.685
9	Nguyễn Huy Cường	Phó TGĐ	13.090	0,05%	13.090	6.545
10	Bùi Anh Tuấn	Phó TGĐ	13.090	0,05%	13.090	6.545
11	Đặng Hoàng Lục Uyển	Phó TGĐ	11.550	0,048%	11.550	5.775
12	Trần Thụy Tố Trinh	Kế toán trưởng	13.090	0,05%	13.090	6.545
13	Bùi Phúc Lộc	Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin	7.150	0,03%	7.150	3.575
14	Phan Thị Thúy Hằng	Thư ký Công ty	2.750	0,01%	2.750	1.375
15	Công ty Cổ phần Ylang Holdings	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Nguyễn Ngọc Bảo, ông Đinh Hùng Dũng và ông Lê Hải Linh	8.559.999	35,66%	8.559.999	4.280.000

STT	Họ tên	Chức vụ tại Tổ chức đăng ký niêm yết	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	SLCP cam kết nắm giữ 100% trong vòng 06 tháng kể từ ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu	SLCP cam kết nắm giữ 50% trong vòng 06 tháng tiếp theo
16	Công ty TNHH Soybean	Cổ đông lớn, người có liên quan của ông Bùi Anh Tuấn	3.782.350	15,76%	3.782.350	1.891.175
17	Công ty TNHH Passion Fruit	Cổ đông lớn, cùng với ông Nguyễn Ngọc Bảo, ông Đinh Hùng Dũng và ông Lê Hải Linh chịu sự kiểm soát của công ty mẹ là CTCP Ylang Holdings	1.608.827	6,70%	1.608.827	804.414
	Tổng cộng		14.686.969	61,19%	14.686.969	7.343.486

(Nguồn: ANTESCO)

Cam kết hạn chế chuyển nhượng của cổ phiếu phát hành riêng lẻ:

Công ty Cổ phần Ylang Holdings bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (ngày 22/10/2025) đối với số cổ phiếu chào bán riêng lẻ đã mua là 3.500.000 cổ phiếu.

Cam kết hạn chế chuyển nhượng của cổ phiếu phát hành cho cán bộ công nhân viên năm 2024:

Cán bộ nhân viên được mua cổ phiếu phát hành thêm theo chương trình lựa chọn cho người lao động kết thúc ngày 24/01/2025 sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán đối với số lượng cổ phiếu ESOP đã phát hành là 240.000 cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu cho ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ANT dự kiến được xác định trên 02 phương pháp tính giá:

- Phương pháp giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất với thời điểm giao dịch.
- Phương pháp giá theo thị trường: được xác định là bình quân giá tham chiếu của ít nhất 30 (ba mươi) phiên giao dịch liên tiếp gần nhất trước khi cổ phiếu ANT hủy đăng ký giao dịch UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Lưu ý: Các phương pháp tính giá này chỉ nhằm mục đích tham khảo. Giá tham chiếu chính thức sẽ còn phụ thuộc vào yếu tố cung – cầu trên thị trường chứng khoán và thời điểm tính giá sẽ được xác định theo thời điểm cổ phiếu ANT hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mức giá tham chiếu chính thức trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu ANT sẽ được Hội đồng quản trị Công ty xác định sau khi Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu và cổ phiếu ANT của Công ty được hủy đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty sẽ thông báo đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về mức giá tham chiếu chính thức và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Thông tin về lịch sử khối lượng giao dịch cổ phiếu ANT:

Trong 06 tháng gần nhất (Từ ngày 27/05/2025 đến ngày 26/12/2025), khối lượng giao dịch của cổ phiếu ANT tại trên hệ thống giao dịch UpCom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) như sau:

Thời gian	Tổng khối lượng giao dịch bình quân	Khối lượng giao dịch khớp lệnh bình quân
Từ ngày 27/05/2025 đến ngày 26/12/2025	60.268 cổ phiếu/phiên	45.674 cổ phiếu/phiên

(Nguồn: Tổng hợp từ số liệu khối lượng giao dịch tại HNX và Fiinpro)

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Đối với Công ty

❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 được Quốc hội ban hành ngày 14/06/2025, mức thuế suất TNDN của Công ty là 20%, áp dụng kể từ ngày 01/10/2025.

❖ Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng số 48/2024/QH15 ngày 26/11/2024 và các văn bản sửa đổi, hướng dẫn. Theo đó, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế GTGT tương ứng là 10%, 8%, hoặc các mức thuế suất khác tùy thuộc vào từng hoạt động kinh doanh cụ thể.

❖ Các loại thuế khác

Công ty đã thực hiện đúng các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam về việc tuân thủ đối với các loại thuế/phí khác như: lệ phí môn bài, thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhà thầu nước ngoài, v.v...

7.2. Đối với Nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

a) Đối với Nhà đầu tư cá nhân

❖ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

- Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần căn cứ Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015.
- Đối với nhà đầu tư nước ngoài (cư trú hoặc không cư trú): Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế thu nhập cá nhân 0,1% trên giá chuyển nhượng căn cứ Điều 16 Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 hoặc Điều 20 Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013.

❖ **Thu nhập từ cổ tức:**

- Căn cứ Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn và chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
- Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế từ đầu tư vốn khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này, nhà đầu tư phải nộp thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b) Đối với Nhà đầu tư tổ chức

❖ **Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:**

- Đối với tổ chức trong nước: Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/06/2025 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác, áp dụng thuế suất TNDN là 20%.
- Đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất 0,1% trên doanh thu tính thuế.

❖ **Thu nhập từ cổ tức:**

- Thu nhập được miễn thuế theo căn cứ quy định tại Khoản 7 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 12, Tòa nhà Diamond Park Plaza, 16 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 7105 0000

Fax: (024) 6288 5678

Website: www.deloitte.com/southeast-asia/en/about/vietnam

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ trụ sở chính: Khu vực 1, Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 7304 5688

Fax: (024) 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

IX. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

(Phần còn lại của trang được cố ý để trống)

An Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN RAU QUẢ THỰC PHẨM AN GIANG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Ngọc Bảo

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Bùi Ngọc Duy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thụy Tố Trinh

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Minh

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Anh Tuấn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
QUYỀN GIÁM ĐỐC KHỎI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Lê Thị Thu Hiền

XI. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty.
3. Phụ lục III: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức đăng ký niêm yết.
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) năm 2023 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) năm 2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) bán niên năm 2025 đã được soát xét, Báo cáo tài chính (riêng và hợp nhất) Quý 3/2025 tự lập.
5. Phụ lục V: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật.

